

CHƯƠNG III ¹	CHAPTER III
SỰ TỔ CHỨC CỦA HẢI QUÂN VỀ HÀNH QUÂN	THE ORGANIZATION OF THE REPUBLIC OF VIETNAM NAVY REGARDING OPERATIONS
HQ (Hải Quân, “Navy”)	HQ (Hải Quân, “Navy”)

MỤC LỤC – TABLE OF CONTENTS

BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN - REPUBLIC OF VIETNAM NAVY HEADQUARTERS	4
TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN HẢI QUÂN NHA TRANG - NHA TRANG NAVAL TRAINING CENTER.....	5
HẢI-QUÂN CÔNG-XUỞNG SÀI GÒN - SAIGON NAVAL SHIPYARD.....	12
NHỮNG ĐẠI ĐƠN VỊ TÁC CHIẾN - MAJOR COMBAT UNITS	14
VÙNG SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE	14
HÀNH QUÂN LƯU ĐỘNG-SÔNG - MOBILE RIVERINE OPERATIONS.....	14
Tổ Chức - Organization	14
Thành Phần - Composition	14
VÙNG III SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE III	17
Tổ Chức - Organization	17
Thành Phần - Composition	18
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	18
VÙNG IV SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE IV	20
Tổ Chức - Organization	20
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	21
LỰC-LƯỢNG THỦY-BỘ (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 211) - AMPHIBIOUS FORCE (Task Force 211).....	23
Tổ Chức - Organization	23
Trang Bị - Armament	24
LỰC-LƯỢNG TUẦN-THĂM (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 212) - PATROL FORCE (Task Force 212).....	29
Tổ Chức - Organization	30
Phối Trí - Arrangement	32
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	35
LỰC-LƯỢNG TRUNG-ƯƠNG (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 214) - CENTRAL FORCE (Task Force 214).....	38
Tổ Chức - Organization	38
Phạm Vi Hoạt Động - Area of Operations	40
GIANG-ĐOÀN XUNG-PHONG - RIVER ASSAULT GROUP	41

¹

Chú Ý: Cuốn tài liệu này quý độc giả đang cầm trong
tay chưa hẳn là cuốn tài liệu mới nhất. Cuốn mới nhất
dạng Adobe Acrobat PDF luôn được lưu trữ trên:

https://www.vnnavydallas.com/tailieu/Diep_My_Linh_chapter_3.pdf

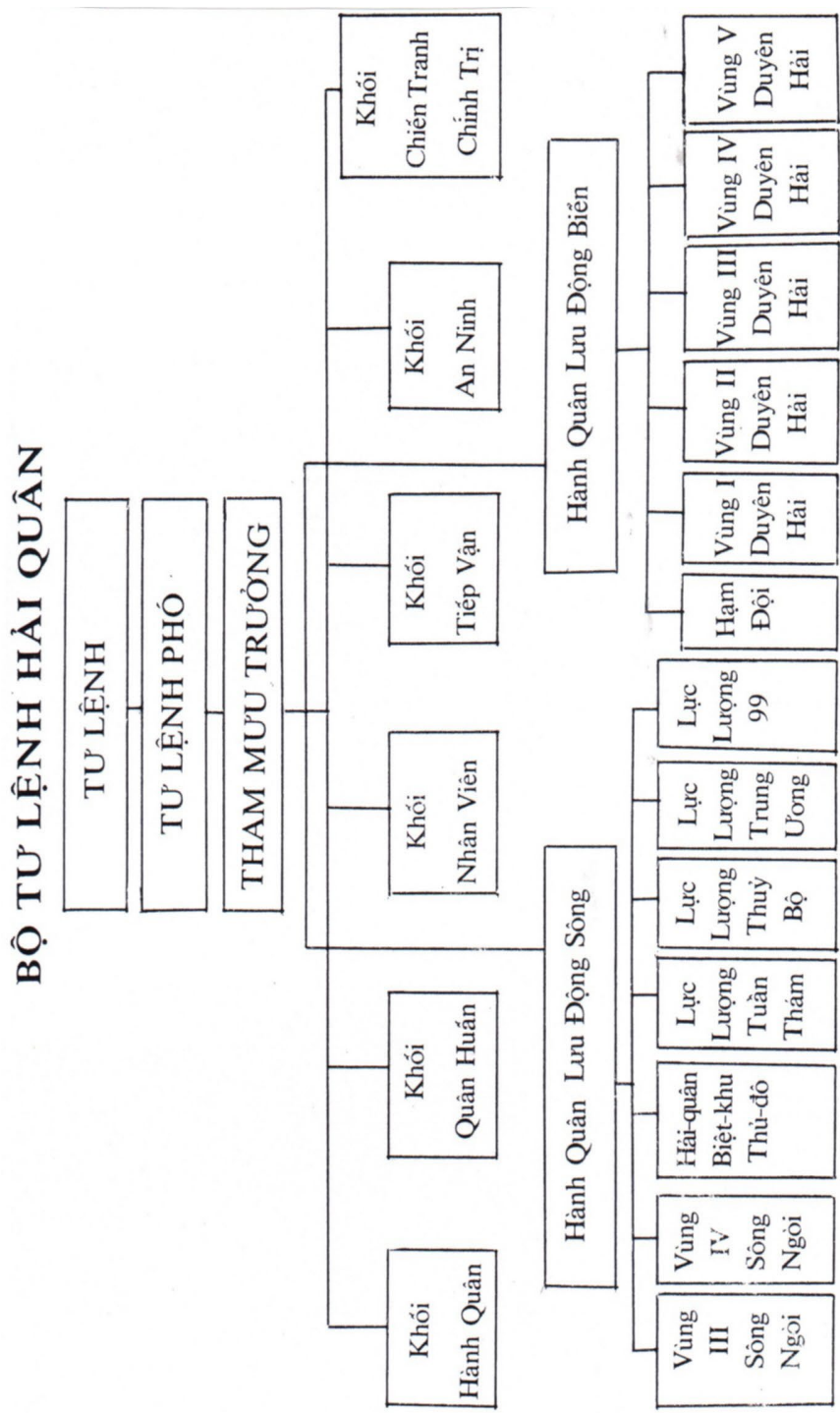
Notice: A hard copy of this document may not be the
document currently in effect. The current version in
Adobe Acrobat PDF format is always available:

https://www.vnnavydallas.com/tailieu/Diep_My_Linh_chapter_3.pdf

Tổ Chức - Organization	42
Trang Bị - Armament	42
Nhiệm Vụ - Mission	47
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	47
LIÊN-ĐOÀN TUẦN-GIANG - RIVER PATROL REGIMENT	48
Thành Lập - Establishment	48
Tổ Chức - Organization	48
Quản Trị - Administration.....	49
Thành Phần - Composition	49
Trang Bị - Armament	49
Nhiệm Vụ - Mission.....	51
LỰC-LƯỢNG ĐẶC-NHIỆM 99 - TASK FORCE 99	53
Thành Lập - Establishment	53
Trang Bị - Armament	54
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	55
VÙNG DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE	57
HÀNH-QUÂN LƯU-ĐỘNG-BIỂN - Lực-Lượng Duyên-Phòng - Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 213 { MOBILE SEA OPERATIONS - Coastal Defense Force - Task Force 213}	57
Tổ Chức - Organization	57
Thành Phần - Composition	57
Trang Bị - Armament	58
Hành Quân - Operations.....	60
HẠM-ĐỘI – FLEET FORCES	62
Tổ Chức - Organization	62
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	67
VÙNG I DUYÊN-HẢI – COASTAL ZONE I.....	70
Tổ Chức - Organization	70
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	74
VÙNG II DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE II.....	77
Tổ Chức - Organization	77
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	78
VÙNG III DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE III.....	81
Tổ Chức - Organization	81
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	83
VÙNG IV DUYÊN HẢI - COASTAL ZONE IV	85
Tổ Chức – Organization.....	86
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	88
VÙNG V DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE V	90
Tổ Chức - Organization	90
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	91
LỰC-LƯỢNG HẢI-THUYỀN – COASTAL FORCE	94
Thành Lập - Establishment	94
Tổ Chức - Organization	94
Thành Phần - Composition	97
Nhiệm Vụ - Mission.....	99
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	99

LIÊN-ĐOÀN NGƯỜI NHÁI – FROGMAN BRIGADE	100
Thành Lập - Establishment	100
Tổ Chức - Organization	100
Nhiệm Vụ - Mission.....	101
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	101
BIỆT-HẢI - Thuộc Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải {SEA COMMANDO - Attached To The Coastal Defense Directorate}	104
Tổ Chức - Organization	104
Tuyển Mộ - Recruitment.....	106
Huấn Luyện - Training.....	106
Nhiệm Vụ - Mission.....	109
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	114
LỰC-LƯỢNG HẢI-TUẦN - COASTAL PATROL FORCE.....	115
Tổ Chức – Organization.....	115
Trang Bị - Armament	116
Nhiệm Vụ - Mission.....	119
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations	119

BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN - REPUBLIC OF VIETNAM NAVY HEADQUARTERS	REPUBLIC OF VIETNAM NAVY HEADQUARTERS
---	---------------------------------------



TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN HẢI QUÂN NHA TRANG - NHA TRANG NAVAL TRAINING CENTER	NHA TRANG NAVAL TRAINING CENTER
	 Nha Trang Naval Training Center Insignia
 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62	 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang tọa lạc trên đường Duy-Tân nổi dài, qua khỏi phi trường quân sự Nha Trang và trước khi đến làng Chutt.	The Nha Trang Naval Training Center is located on the extension of Duy-Tan Street, past the Nha Trang Air Base and just before reaching Chutt Village.
Công tác xây cất Trung-Tâm Huấn-Luyện được khởi sự vào tháng 11 năm 1951 và hoàn tất vào tháng 7 năm 1952.	The construction of the Training Center began in November 1951 and was completed in July 1952.
Tháng 7 năm 1955, Hải Quân Pháp chuyển	In July 1955, the French Navy officially

giao Trung Tâm Huấn Luyện cho Hải Quân Việt Nam.	transferred the Training Center to the Republic of Vietnam Navy.
Từ khi Hải-Quân Việt-Nam chính thức điều hành cho đến tháng 4 năm 1975, Trung-Tâm Huấn-Luyện Hải-Quân Nha-Trang đã được những sĩ quan sau đây chỉ huy:	From the time the Republic of Vietnam Navy officially took over operations until April 1975, the Nha Trang Naval Training Center was supervised by the following officers:
	
Hải-Quân Thiếu-Tá Chung Tấn Cang (1926-2007) 7 tháng 11 năm 1955 – 29 tháng 3 năm 1958	Navy Lieutenant Commander Chung Tấn Cang (1926-2007) November 7, 1955 – March 29, 1958

 PHÓ ĐỀ ĐỐC CAO THẮNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG HẢI SỰ	 PHÓ ĐỀ ĐỐC CAO THẮNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG HẢI SỰ
Hải-Quân Thiếu-Tá Đặng Cao Thắng (1929-2005) 29 tháng 3 năm 1958 – 10 tháng 2 năm 1960	Navy Lieutenant Commander Đặng Cao Thắng (1929-2005) March 29, 1958 – February 10, 1960
Hải-Quân Thiếu-Tá Vương Hữu Thiệu (?-?) 10 tháng 2 năm 1960 – 19 tháng 1 năm 1963	Navy Lieutenant Commander Vương Hữu Thiệu (?-?) February 10, 1960 – January 19, 1963
Hải-Quân Thiếu-Tá Dư Trí Hùng (?-?) 19 tháng 1 năm 1963 – 23 tháng 12 năm 1963	Navy Lieutenant Commander Dư Trí Hùng (?-?) January 19, 1963 – December 23, 1963
Hải-Quân Trung-Tá Nguyễn Đức Vân (?-?) 23 tháng 12 năm 1963 – 26 tháng 2 năm 1966	Navy Commander Nguyễn Đức Vân (?-?) December 23, 1963 – February 26, 1966



Hải-Quân Thiếu-Tá Bùi Hữu Thư (?-?)
26 tháng 2 năm 1966 – 13 tháng 7 năm 1966
{https://www.vnnavydallas.com/tailieu/2021_Hai_Su_Tuyen_Tap.pdf, trang 59}



Navy Lieutenant Commander Bùi Hữu Thư (?-?)
February 26, 1966 – July 13, 1966
{https://www.vnnavydallas.com/tailieu/2021_Hai_Su_Tuyen_Tap.pdf, page 59}



Hải-Quân Đại-Tá Đinh Mạnh Hùng (1931-2018)
13 tháng 7 năm 1966 – 1 tháng 3 năm 1969



Navy Captain Đinh Mạnh Hùng (1931-2018)
July 13, 1966 – March 1, 1969



Hải Quân Đại Tá Khương Hữu Bá (1930-2015)
1 tháng 3 năm 1969 – 6 tháng 8 năm 1971
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2017/08/19/tai-lieu-quan-nhan-hai-quan-v-n-c-h-lap-nhieu-chien-cong-phan-2-si-quan-cap-ta/>}



Navy Captain Khương Hữu Bá (1930-2015)
March 1, 1969 – August 6, 1971
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2017/08/19/tai-lieu-quan-nhan-hai-quan-v-n-c-h-lap-nhieu-chien-cong-phan-2-si-quan-cap-ta/>}



Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn Trọng Hiệp (1934-2022)
6 tháng 8 năm 1971 – 6 tháng 1 năm 1973
{<https://www.baotreonline.com>, Trẻ Dallas 1515, Ngày 30 Tháng 7 Năm 2026, trang 145}



Navy Captain Nguyễn Trọng Hiệp (1934-2022)
August 6, 1971 – January 6, 1973
{<https://www.baotreonline.com>, Trẻ Dallas 1515, July 30, 2026, page 145}



Phó-Đề-Đốc Nguyễn Thanh Châu (1933-?)
 6 tháng 1 năm 1973 – tháng 3 năm 1975
 {https://www.truclamientu.info/the-environmental-activist/dml_cac-vi-pho-de-doc-hai-quan-viet-nam-cong-hoa.html}

Commodore Nguyễn Thanh Châu (1933-?)
 January 6, 1973 – March 1975
 {https://www.truclamientu.info/the-environmental-activist/dml_cac-vi-pho-de-doc-hai-quan-viet-nam-cong-hoa.html}

Từ khóa đầu tiên do sĩ quan Hải-Quân Việt-Nam tuyển mộ và huấn luyện – khóa 8 sĩ quan Hải-Quân Nha-Trang – tiêu chuẩn tuyển chọn sinh viên sĩ quan Hải-Quân là bằng tú tài toàn phần, ban toán. Sinh viên được huấn luyện quân sự theo tiêu chuẩn của những Trung-Tâm Huấn-Luyện Hải-Quân quốc tế. Về văn hóa, sinh viên được giảng dạy theo chương trình đại học. Chương trình thụ huấn là hai năm và sinh viên ra trường với cấp bậc Thiếu Úy Hải-Quân.

The first class recruited and trained by officers of the Republic of Vietnam Navy – Class 8 – required candidates to hold a full Baccalaureate diploma in mathematics. Officer cadets received military training in accordance with the standards of international naval training centers. In terms of academics, cadets were taught according to a university-level curriculum. The training program lasted two years, and graduates were commissioned as Navy Ensigns.

Năm 1962, vì số sĩ quan không đủ cung ứng, thời gian huấn luyện được rút ngắn 4 tháng.

In 1962, due to a shortage of officers, the training time was shortened by four months.

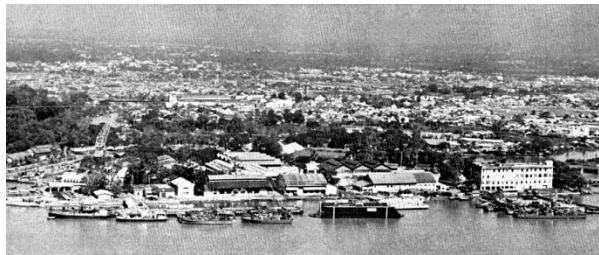
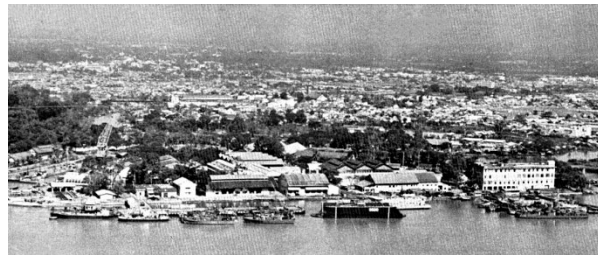
Đến năm 1969, vì tình trạng đôn quân, khóa 18 Sinh Viên Sĩ Quan Hải-Quân là khóa cuối cùng của chương trình huấn luyện hai mươi tháng.

In 1969, due to the escalation of military needs, Class 18 was the last to undergo the twenty-month training program.

Kể từ khóa 19, sinh viên được tuyển mộ nhiều hơn, khoảng 200 sinh viên cho mỗi khóa. Về

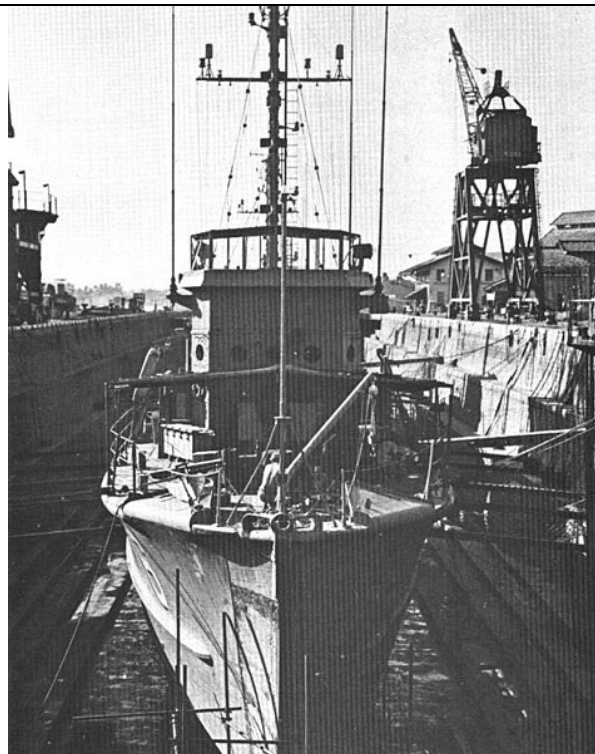
Starting with Class 19, recruitment expanded significantly, with approximately 200 cadets

văn hóa, sinh viên vẫn được giảng dạy theo chương trình đại học như các khóa đàn anh. Về quân sự, sinh viên được rèn luyện theo hệ thống tự chỉ huy. Sau khi thụ huấn một năm, sinh viên được đi thực tập một thời gian ngắn rồi tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu Úy Hải-Quân.	per class. Academically, cadets continued to follow the same university-level curriculum as their predecessors. Militarily, they were trained under a self-command system. After one year of instruction, cadets participated in a brief internship before graduating with the rank of Ensign in the Navy.
Khóa 26 sinh viên sĩ quan Hải-Quân là khóa cuối cùng của Trung-Tâm Huấn-Luyện Hải-Quân Nha-Trang.	Class 26 was the last class of the Nha Trang Naval Training Center.
Trong suốt thời gian từ khi thành lập cho đến tháng 4 năm 1975, Trung-Tâm Huấn-Luyện Hải-Quân Nha-Trang đào tạo được 2.538 sĩ quan, cả ngành chỉ huy lẫn kỹ thuật; 15.050 chuyên nghiệp.	From its establishment until April 1975, the Nha Trang Naval Training Center trained a total of 2,538 officers, including both command and technical branches, as well as 15,050 personnel.

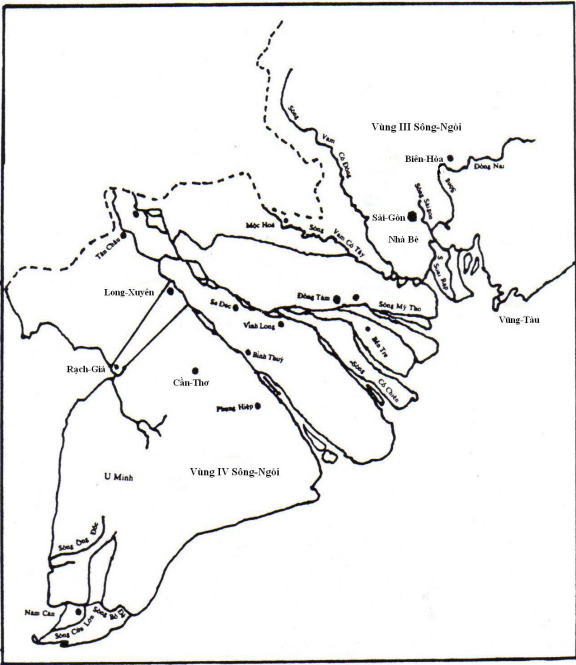
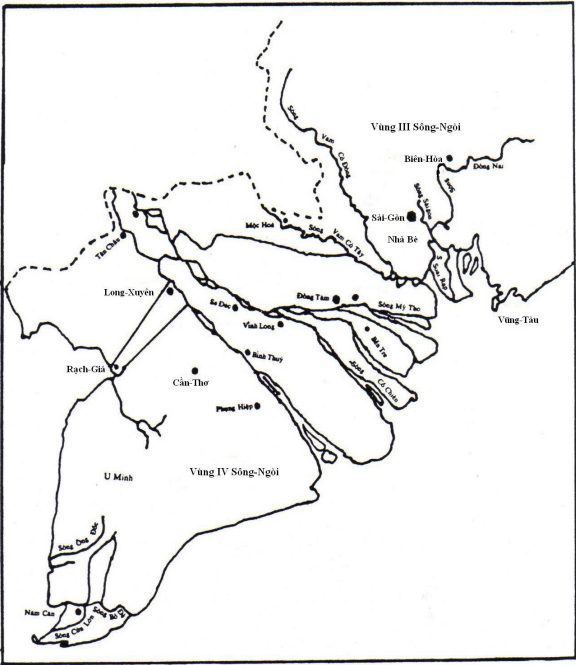
HẢI-QUÂN CÔNG-XƯỞNG SÀI GÒN - SAIGON NAVAL SHIPYARD	SAIGON NAVAL SHIPYARD
Hải-Quân Công-Xưởng được xây cất trên một khu đất rộng lớn, bên bờ sông Sài-Gòn từ thế kỷ 19. Là một thủy xưởng lớn nhất Á-Châu, Hải-Quân Công-Xưởng gồm 87 tòa nhà. Mỗi tòa nhà được sử dụng như một cơ xưởng. Những cơ xưởng ấy là:	The Naval Shipyard was constructed on a large plot of land along the banks of the Saigon River and dates back to the 19th century. As the largest naval shipyard in Asia, the Naval Shipyard consisted of 87 buildings. Each building was used as a specialized workshop. These workshops included:
 Hải Quân Công Xưởng, Sài Gòn, Việt Nam Cộng Hòa {https://en.wikipedia.org/wiki/Saigon_Naval_Shipyard#/media/File:Saigon_Naval_Shipyard_aerial_photo_c1968.jpg}	 Saigon Naval Shipyard, Saigon, Republic of Vietnam {https://en.wikipedia.org/wiki/Saigon_Naval_Shipyard#/media/File:Saigon_Naval_Shipyard_aerial_photo_c1968.jpg}
Xưởng đóng tàu Xưởng sửa tàu Xưởng mộc Xưởng điện Xưởng tiện Xưởng điện tử Máy dầu cặn Ty dụng cụ Nhà kho Văn phòng, v.v...	Shipbuilding workshop Ship repair workshop Carpentry workshop Electrical workshop Lathe, machining workshop Electronics workshop Diesel, heavy engine oil, waste oil workshop Tool department Warehouses Offices, etc.
Ngoài ra còn có 2 ụ chìm – một ụ rộng 520 feet và ụ kia rộng 119 feet - một ụ nổi có khả năng sửa tàu nặng 1.000 tấn, bốn đường rầy, bảy cần trục lưu động, một lò nấu chảy. Những cơ sở đó đều tọa lạc trên 53 mẫu đất (Theo MSGS, CP030625Z Dec. 1961; CPF).	Additionally, there were two dry docks – one measuring 520 feet in width and the other 119 feet – as well as a floating dock capable of repairing ships weighing up to 1,000 tons, four railway tracks, seven mobile cranes, and a smelting furnace. All of these facilities were located on 53 acres of land (According to MSGS, CP030625Z Dec. 1961; CPF).



Hải Quân Công Xưởng, Hải Quân Việt Nam
Cộng Hòa
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2019/08/09/luoc-su-hqvnch-hai-quan-cong-xuong-sai-gon/>}



Saigon Naval Shipyard, Republic of Vietnam
Navy
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2019/08/09/luoc-su-hqvnch-hai-quan-cong-xuong-sai-gon/>}

NHỮNG ĐẠI ĐƠN VỊ TÁC CHIẾN - MAJOR COMBAT UNITS	MAJOR COMBAT UNITS
VÙNG SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE	RIVERINE ZONE
HÀNH QUÂN LƯU ĐỘNG-SÔNG - MOBILE RIVERINE OPERATIONS	MOBILE RIVERINE OPERATIONS
 Lãnh thổ vùng III và vùng IV Sông-Ngòi	 Lãnh thổ vùng III và vùng IV Sông-Ngòi Riverine Zones III and IV
Tổ Chức - Organization Hành-Quân Lưu-Động-Sông trực thuộc Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân. Một phụ tá Tư-Lệnh Hải-Quân Hành-Quân Lưu-Động-Sông chịu trách nhiệm điều hành tất cả hành quân trong sông.	Organization Mobile Riverine Operations were under the direct command of the Republic of Vietnam Navy Headquarters. A Deputy Chief of Naval Operations for Mobile Riverine Operations was responsible for overseeing all riverine operations.
Thành Phần - Composition Hành-Quân Lưu-Động-Sông gồm có: - Vùng III Sông-Ngòi - Vùng IV Sông-Ngòi - Lực-Lượng Thủy-Bộ (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 211) - Lực-Lượng Tuần-Thám (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 212) - Lực-Lượng Trung-Uơng (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 214) - Giang-Đoàn Xung-Phong	Composition Mobile Riverine Operations consisted of: - Riverine Zone III - Riverine Zone IV - Amphibious Force (Task Force 211) - Patrol Force (Task Force 212) - Central Force (Task Force 214) - River Assault Group
Phụ Tá Tư-Lệnh Hải-Quân Hành-Quân Lưu-	The last Deputy Chief of Naval Operations for

Động-Sông cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Đinh Mạnh Hùng.



Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng (1931-2018), Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Khóa 2 (11/1952 – 5/1953), Đệ Nhất Kim Ngưu, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://daubinhlua.blogspot.com/2018/11/pho-e-oc-inh-manh-hung-hai-quan-vnch.html>}

Mobile Riverine Operations: Commodore Đinh Mạnh Hùng.



Commodore Đinh Mạnh Hùng (1931-2018), Nha Trang Naval Training Center Class 2 (11/1952 – 5/1953), First Taurus, Republic of Vietnam Navy {<https://daubinhlua.blogspot.com/2018/11/pho-e-oc-inh-manh-hung-hai-quan-vnch.html>}

Danh-Sách Khóa 2 (tháng 11-1952 đến tháng 5-1953):

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1) Khương-Hữu-Bá | 2) Đặng-Cần-Chánh |
| 3) Võ-Văn-Chơn | 4) Đỗ-Quý-Hợp |
| 5) Đinh-Mạnh-Hùng | 6) Nguyễn-Văn-Kinh |
| 7) Ngô-Khắc-Luân | 8) Trương-Ngọc-Lực |
| 9) Nghiêm-Văn-Phú | 10) Phùng-Nhật-Tân |
| 11) Nguyễn-Văn-Thu | 12) Nguyễn-Hữu-Tiểu |
| 13) Nguyễn-Văn-Trụ | |



Nghiêm Văn Phú(D) Phạm Ngọc Luy
 Hồ Ngọc Báu(D) Đinh Mạnh Hùng
 Nguyễn Văn Thu(D) Trần Ngọc Dũng(D) Đặng Can Chánh
 Nguyễn Văn Kinh
 Ngô Khắc Luân
 Vũ Văn Chơn(D)

Christmas 1952

Class 1953 VN Naval Academy Nha Trang

Nguyễn Duy Lung(?)
 Khương Hữu Ba
 Nguyễn Văn Thu(D)
 Đỗ Quý Hợp
 Trương Ngọc Lực(D)
 Phùng Nhật Tân

Các SVSQ/HQ Khóa 2 họp mặt mừng Giáng Sinh cuối năm 1952.

Danh-Sách Khóa 2 (tháng 11-1952 đến tháng 5-1953):

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1) Khương-Hữu-Bá | 2) Đặng-Cần-Chánh |
| 3) Võ-Văn-Chơn | 4) Đỗ-Quý-Hợp |
| 5) Đinh-Mạnh-Hùng | 6) Nguyễn-Văn-Kinh |
| 7) Ngô-Khắc-Luân | 8) Trương-Ngọc-Lực |
| 9) Nghiêm-Văn-Phú | 10) Phùng-Nhật-Tân |
| 11) Nguyễn-Văn-Thu | 12) Nguyễn-Hữu-Tiểu |
| 13) Nguyễn-Văn-Trụ | |



Nghiêm Văn Phú(D) Phạm Ngọc Luy
 Hồ Ngọc Báu(D) Đinh Mạnh Hùng
 Nguyễn Văn Thu(D) Trần Ngọc Dũng(D) Đặng Can Chánh
 Nguyễn Văn Kinh
 Ngô Khắc Luân
 Vũ Văn Chơn(D)

Christmas 1952

Class 1953 VN Naval Academy Nha Trang

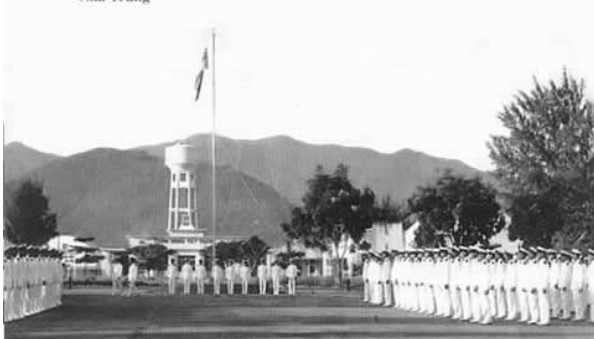
Nguyễn Duy Lung(?)
 Khương Hữu Ba
 Nguyễn Văn Thu(D)
 Đỗ Quý Hợp
 Trương Ngọc Lực(D)
 Phùng Nhật Tân

Các SVSQ/HQ Khóa 2 họp mặt mừng Giáng Sinh cuối năm 1952.

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang,
Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược
Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 505,
2012}

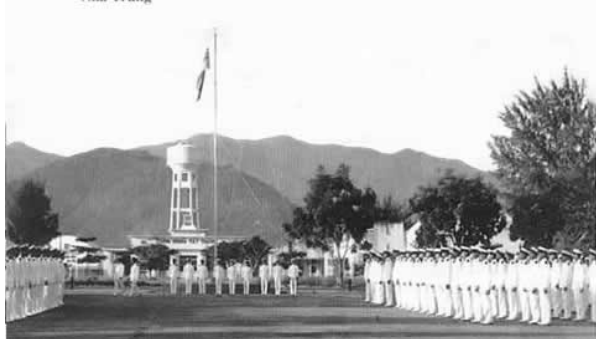
The Naval Officer Cadets of Class 2 gathered
to celebrate Christmas at the end of 1952, Nha
Trang Naval Training Center, Republic of
Vietnam Navy {Naval History/A Brief History
of the Republic of Vietnam Navy, page 505, A
Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang,
Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=62>}

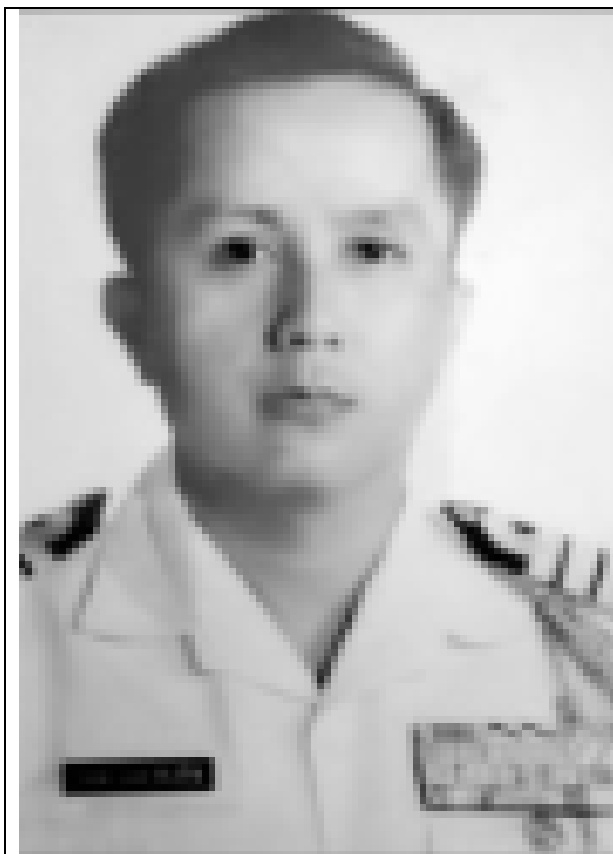
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



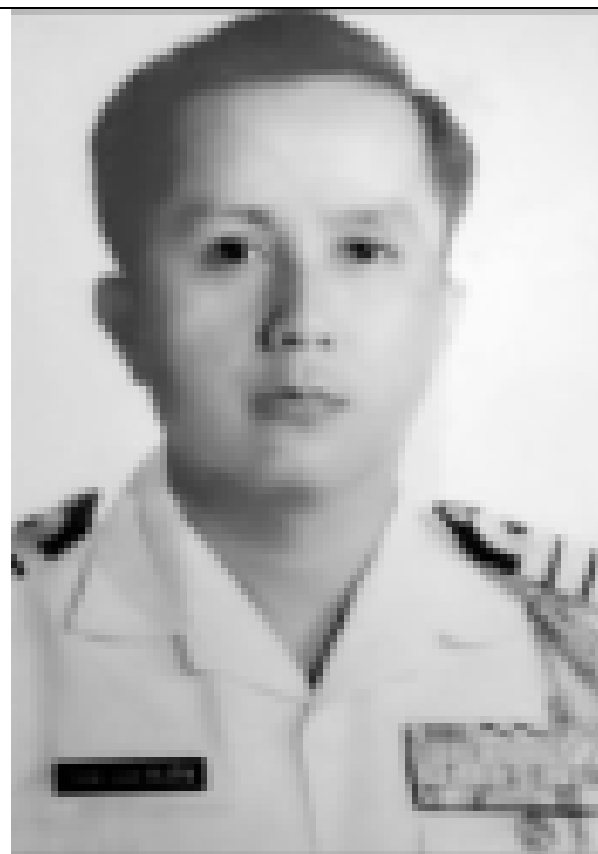
Nha Trang Naval Training Center, Republic of
Vietnam Navy
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=62>}

VÙNG III SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE III	RIVERINE ZONE III
 The insignia features a yellow bird with outstretched wings perched atop a black anchor. A white circle with the Roman numeral 'III' is centered on the anchor's shank. The anchor is flanked by green and blue vertical stripes. A blue banner at the bottom contains the text 'VÙNG III SÔNG NGÒI' in white.	 Riverine Zone III Insignia
Tổ Chức - Organization Vùng III Sông-Ngòi gồm có Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng. Bộ-Tư-Lệnh đặt tại Long-Bình.	Organization Riverine Zone III consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff. The Headquarters was located in Long Binh.
 Căn Cú Long Bình, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://en.wikipedia.org/wiki/Long_Binh_Post}	 Long Binh Naval Base, Republic of Vietnam Navy {https://en.wikipedia.org/wiki/Long_Binh_Post}

Thành Phần - Composition Các đơn vị cơ hữu của Vùng III Sông-Ngòi gồm có: ▪ Giang-Đoàn 22 và Giang-Đoàn 28 Xung-Phong đóng tại Nhà-Bè. ▪ Giang-Đoàn 24 và Giang-Đoàn 30 Xung-Phong đóng tại Long-Bình. ▪ Nhiều Tiên-Doanh Yểm-Trợ Ngoài ra, Vùng III Sông-Ngòi cũng được sự tăng phái của những Lực-Lượng Đặc-Nhiệm (Task Forces) 211, 212, 214.	Composition The units of Riverine Zone III included: ▪ River Assault Group 22 and River Assault Group 28, stationed at Nha Be. ▪ River Assault Group 24 and River Assault Group 30, stationed at Long Binh. ▪ Several Forward Support Bases. Additionally, Riverine Zone III was reinforced by Task Forces 211, 212, and 214.
 Căn Cứ Nhà Bè, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/}	 Nhà Bè Naval Base, Republic of Vietnam Navy {https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/}
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Vùng hoạt động của Vùng III Sông-Ngòi gồm sông rạch thuộc các tỉnh: Biên-Hòa, Gia-Định, Long-An, Hậu-Nghĩa, Bình-Dương, Tây-Ninh, v. v...	Area of Operations The operational area of Riverine Zone III encompassed the rivers and canals of the following provinces: Bien Hoa, Gia Dinh, Long An, Hau Nghia, Binh Duong, Tay Ninh, etc.
Tư-Lệnh cuối cùng: Hải-Quân Đại-Tá Trịnh Quan Xuân.	The last Commander: Navy Captain Trịnh Quan Xuân.



Hải Quân Đại Tá Trịnh Quan Xuân (1934-2017), Khóa 3 Ecole Navale, Brest, Pháp, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://www.nguoi-viet.com/cao-pho/cuu-hai-quan-dai-ta-qlvnch-trinh-quan-xuan/>}



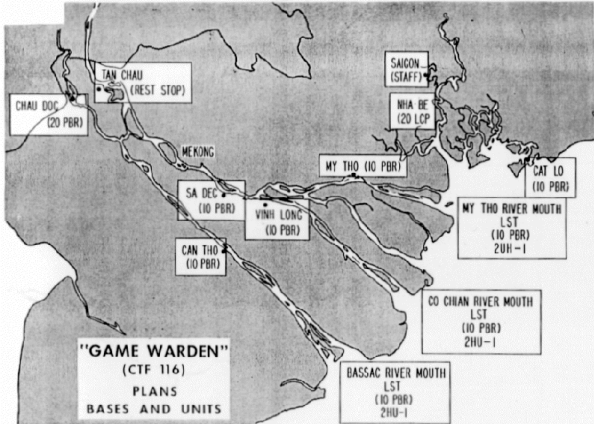
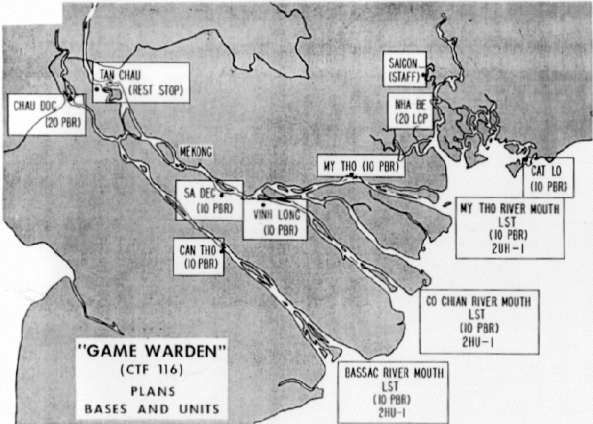
Navy Captain Trịnh Quan Xuân (1934-2017), Class 3 Ecole Navale, Brest, France, Republic of Vietnam Navy {<https://www.nguoi-viet.com/cao-pho/cuu-hai-quan-dai-ta-qlvnch-trinh-quan-xuan/>}



French Naval Academy, Brest, Pháp {https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg}



École Navale, Brest, France {https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg}

VÙNG IV SÔNG NGÒI - RIVERINE ZONE IV	RIVERINE ZONE IV
	 Riverine Zone IV Insignia
Tổ Chức - Organization Bộ-Chỉ-Huy Vùng IV Sông-Ngòi gồm: Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization Riverine Zone IV consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng IV Sông-Ngòi kiêm Tư-Lệnh Hạm-Đội Đặc-Nhiệm 21.	The Commander of Riverine Zone IV also served as the Commander of Task Force 21.
Về hành quân, Hạm-Đội Đặc-Nhiệm 21 chỉ huy và điều động các Lực-Lượng Đặc-Nhiệm tăng phái và Lực-Lượng Hải-Quân cơ hữu thuộc Vùng IV Sông-Ngòi.	In terms of operations, Task Force 21 directed and coordinated both the attached Task Forces and the Naval Forces of Riverine Zone IV.
Bộ Tư Lệnh đặt tại Cần Thơ.	The Headquarters was located in Cần Thơ.
 Cần Cứ Cần Thơ, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa	 Cần Thơ Naval Base, Republic of Vietnam Navy

{ https://www.history.navy.mil/research/archives/digital-exhibits-highlights/vietnam-war/united-states-naval-operations-vietnam-highlights-february-1966.html }	{ https://www.history.navy.mil/research/archives/digital-exhibits-highlights/vietnam-war/united-states-naval-operations-vietnam-highlights-february-1966.html }
Thành Phần - Composition Đơn vị cơ hữu của Hải-Quân Vùng IV Sông-Ngòi gồm những Giang-Đoàn Xung-Phong sau đây: ▪ Giang-Đoàn 21 và Giang-Đoàn 33 đóng tại Mỹ-Tho. ▪ Giang-Đoàn 23 và Giang-Đoàn 31 đóng tại Vĩnh-Long. ▪ Giang-Đoàn 26 đóng tại Long-Xuyên. ▪ Giang-Đoàn 25 và Giang-Đoàn 29 đóng tại Cần-Thơ. ▪ Nhiều Căn-Cứ và Tiền-Doanh Yểm-Trợ Ngoài những đơn vị cơ hữu kể trên, Vùng IV Sông-Ngòi cũng được sự tăng phái của 3 Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 211, 212 và 214.	Composition The units of Riverine Zone IV included the following River Assault Groups: ▪ River Assault Group 21 and River Assault Group 33, stationed at My Tho. ▪ River Assault Group 23 and River Assault Group 31, stationed at Vinh Long. ▪ River Assault Group 26, stationed at Long Xuyen. ▪ River Assault Group 25 and River Assault Group 29, stationed at Can Tho. ▪ Several Bases and Forward Support Outposts. In addition to the aforementioned units, Riverine Zone IV was reinforced by three Task Forces: 211, 212, and 214.
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Địa bàn hoạt động của Hải-Quân Vùng IV Sông-Ngòi gồm tất cả sông rạch các tỉnh: Định-Tường, Kiến-Tường, Kiến-Phong, An-Giang, Châu-Đốc, Gò-Công, Phong-Dinh, v.v...và được chia làm 3 vùng. Mỗi Lực-Lượng Đặc-Nhiệm chịu trách nhiệm một vùng để yểm trợ cho một Sư-Đoàn Bộ-Binh,	Area of Operations The operational area of Riverine Zone IV encompassed all rivers and canals within the provinces of Dinh Tuong, Kien Tuong, Kien Phong, An Giang, Chau Doc, Go Cong, Phong Dinh, etc., and was divided into three regions. Each Task Force was responsible for one region to provide support for an Infantry Division.
Tư-Lệnh cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Đặng Cao Thăng.	The last Commander: Commodore Đặng Cao Thăng.



Phó-Đề-Đốc Đặng Cao Thắng (1929-2005),
 Học Viện Hải Quân Pháp Khóa 1 (10/1952 –
 02/1955), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<https://nguyentin.tripod.com/caothang.jpg>}



Commodore Đặng Cao Thắng (1929-2005),
 École Navale Class 1 (10/1952 – 02/1955),
 Republic of Vietnam Navy
 {<https://nguyentin.tripod.com/caothang.jpg>}



Học Viện Hải Quân Pháp, Brest, Pháp
 {[https://upload.wikimedia.org/wikipedia/com
 mons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg](https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg)}



École Navale, Brest, France
 {[https://upload.wikimedia.org/wikipedia/com
 mons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg](https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/1/12/Ecole_navale-IMG_006.jpg)}

LỰC-LƯỢNG THỦY-BỘ (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 211) - AMPHIBIOUS FORCE (Task Force 211)	AMPHIBIOUS FORCE (Task Force 211)
	 Amphibious Force Insignia
Tổ Chức - Organization Bộ-Tham-Mưu Lực-Lượng Thủy-Bộ gồm có: Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Staff of the Amphibious Force consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Lực-Lượng Thủy-Bộ được chia thành 3 Liên-Đoàn. Mỗi Liên-Đoàn có 2 Giang-Đoàn được chỉ huy bởi một Thiếu-Tá hoặc Đại-Úy Hải-Quân và được điều hành như sau:	The Amphibious Force was divided into three Regiments. Each Regiment consisted of two River Groups, commanded by a Navy Lieutenant Commander or Navy Lieutenant, and was organized as follows:
▪ <i>Liên-Đoàn I Thủy-Bộ</i> Danh xưng khác là Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm 211.1 Gồm 2 Giang-Đoàn 70 và 71 Thủy-Bộ. Hậu cứ tại Long-Phú. Nhiệm vụ: Phối hợp hành quân với các chi khu thuộc tiểu khu Sóc-Trăng và hộ tống những đoàn thương thuyền chở nhu yếu phẩm từ Bạc-Liêu, Sóc-Trăng về Sài Gòn.	▪ <i>Amphibious Regiment I</i> Also known as Task Force 211.1. It consisted of Amphibious Groups 70 and 71. Its rear base was located at Long Phu. Mission: To coordinate operations with the sub-districts under Sóc Trăng district and escort commercial vessel convoys carrying essential supplies from Bạc Liêu and Sóc Trăng to Saigon.
▪ <i>Liên-Đoàn II Thủy-Bộ</i> Danh xưng khác là 211.2. Gồm 2 Giang-Đoàn 72 và 73 Thủy-Bộ. Hậu cứ tại Cà Mau. Nhiệm vụ: Yểm trợ Trung-Đoàn 32 Bộ-Binh, đồng thời phối hợp hành quân và tiếp tế cho	▪ <i>Amphibious Regiment II</i> Also known as Task Force 211.2. It consisted of Amphibious Groups 72 and 73. Its rear base was located at Ca Mau. Mission: To provide support for the 32nd Infantry Regiment, while coordinating

các đơn vị thuộc vùng Cà-Mau.	operations and supplying units stationed in the Ca Mau region.
▪ <i>Liên-Đoàn III Thủy-Bộ</i> Danh xưng khác là 211.3 Gồm 2 Giang-Đoàn 74 và 75 Thủy-Bộ. Hậu cứ tại Rạch-Sỏi. Vùng hoạt động: Tuần tiễu, kiểm soát những thủy lộ của hai tỉnh Kiên-Giang và Chương-Thiện.	▪ <i>Amphibious Regiment III</i> Also known as Task Force 211.3. It consisted of Amphibious Groups 74 and 75. Its rear base was located at Rach Soi. Area of Operations: To patrol and control the waterways of the two provinces of Kien Giang and Chuong Thien.
Trang Bị - Armament Mỗi Giang-Đoàn Thủy-Bộ được trang bị: ▪ 4 Alpha ▪ 5 Tango ▪ 1 Monitor Combat ▪ 1 Monitor Commandement ▪ Đội hình di chuyển *: ➢ 2 Trục mìn ** ➢ 2 Alpha ➢ Monitor Combat ➢ 5 Tango chở quân ➢ Monitor Commandement ➢ 2 Alpha Vì chiến trường đòi hỏi, Bộ-Tư Lệnh Lực-Lượng Thủy-Bộ đã biến cải mỗi Alpha trang bị thêm 1 súng 81 ly trực xạ.	Armament Each Amphibious Regiment was armed with: ▪ 4 Alpha ▪ 5 Tango ▪ 1 Monitor Combat ▪ 1 Monitor Commandement ▪ Movement formation *: ➢ 2 Minesweepers ** ➢ 2 Alpha ➢ 1 Monitor Combat ➢ 5 Troop-carrying Tango ➢ 1 Monitor Commandement ➢ 2 Alpha Due to the demands of the battlefield, the Amphibious Force Headquarters retrofitted each Alpha with a direct-fire 81-mm gun.
 81 ly trực xạ {https://www.reddit.com/r/ForgottenWeapons/comments/cznwu3/mk_2_81mm_naval_mortar_capable_of_direct_fire/}	 Direct-fire 81-mm gun {https://www.reddit.com/r/ForgottenWeapons/comments/cznwu3/mk_2_81mm_naval_mortar_capable_of_direct_fire/}
Lực-Lượng Thủy-Bộ còn có Căn-Cứ Yểm-Trợ đặt tại Bình-Thủy, Cần-Thơ để cung cấp nhiên liệu cũng như sửa chữa và tu bổ chiến đĩnh.	The Amphibious Force also had a Support Base in Bình Thủy, Cần Thơ, to provide fuel and repair and maintenance services for the amphibious boats.



Alpha (Trợ Chiến Đỉnh), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://batkhuat.net/van-lucluong-dacnhiem-thuybo-hq-vnch.htm>}



Alpha {Assault Support Patrol Boat (ASPB)}, Republic of Vietnam Navy {<http://batkhuat.net/van-lucluong-dacnhiem-thuybo-hq-vnch.htm>}



Alpha (Trợ Chiến Đỉnh), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://batkhuat.net/van-lucluong-dacnhiem-thuybo-hq-vnch.htm>}



Alpha {Assault Support Patrol Boat (ASPB)}, Republic of Vietnam Navy {<http://batkhuat.net/van-lucluong-dacnhiem-thuybo-hq-vnch.htm>}



Alpha (Trợ Chiến Đỉnh), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, 2012}



Alpha {Assault Support Patrol Boat (ASPB)}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



Tango (Quân Vận Đỉnh Tác Chiến), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hình của Trung Tá Hải Quân Hoa Kỳ Richard R. Ward (1934-2021), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.}



Tango {Armored Troop Carrier (ATC)}, Republic of Vietnam Navy {Photo courtesy of U.S. Navy Commander Richard R. Ward (1934-2021), Pembroke, Massachusetts, U.S.A.}



Monitor Combat (Tiền Phong Đỉnh Thủy Bộ), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, 2012}



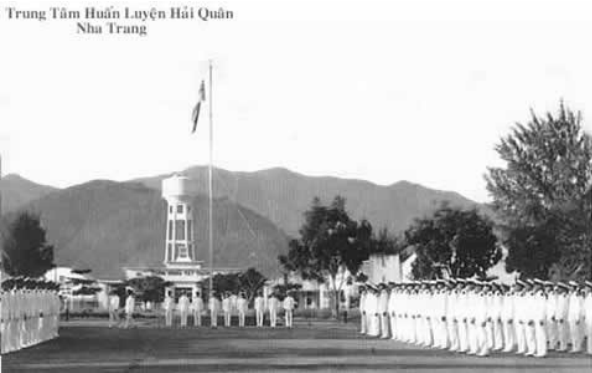
Monitor Combat {Mechanized Landing Craft Monitor}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



Monitor Commandement, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://picryl.com/media/k-74735-469487>}



Monitor Commandement, Republic of Vietnam Navy {<https://picryl.com/media/k-74735-469487>}

Tư Lệnh cuối cùng: Hải Quân Đại Tá Nguyễn Bá Trang.	The last Commander: Navy Captain Nguyễn Bá Trang.
 Hải Quân Đại Tá Nguyễn Bá Trang (1931-2021), Khóa 4 (02/1954 – 12/1954) Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang – Đệ Nhất Bắc Giải, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://www.nguoi-viet.com/phan-uu/ong-andre-nguyen-ba-trang-2/}	 Navy Captain Nguyễn Bá Trang (1931-2021), Class 4 (02/1954 – 12/1954) Nha Trang Naval Training Center – First Cancer, Republic of Vietnam Navy {https://www.nguoi-viet.com/phan-uu/ong-andre-nguyen-ba-trang-2/}
 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	 Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}
* Đội hình có thể thay đổi tùy theo nhu cầu chiến trường.	The formation could be adjusted according to battlefield requirements.

** Trước năm 1973, trong những cuộc hành quân của các đơn vị thuộc Sư-Đoàn 21 Bộ-Binh tại U-Minh thường có nhiều cuộc chuyển quân; vì vậy, mỗi Giang-Đoàn Thủy-Bộ được trang bị thêm các giang đĩnh rà và trục mìn. Hai giang-đĩnh này thường được đi đầu.

** Before 1973, during operations conducted by units of the 21st Infantry Division in the U Minh forest, troop movements were frequent; therefore, each Amphibious Group was additionally equipped with minesweeping and mine-trawling river craft. These two river craft typically took the lead.



Rừng U Minh, Việt Nam Cộng Hòa
{<https://www.nhpr.org/the-exchange/2017-05-26/enduring-vietnam-an-american-generation-and-its-war>}



U Minh Forest, Republic of Vietnam
{<https://www.nhpr.org/the-exchange/2017-05-26/enduring-vietnam-an-american-generation-and-its-war>}

LỰC-LƯỢNG TUẦN-THÁM (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 212) - PATROL FORCE (Task Force 212)	PATROL FORCE (Task Force 212)
	 Patrol Force Insignia
Lực-Lượng Tuần-Thám (LLTT) là hậu thân của Task Force 116 Hoa-Kỳ, dưới sự điều động hành quân của Commander of Naval Forces, Việt-Nam.	The Patrol Force succeeded U.S. Task Force 116, which had operated under the operational control of the Commander of Naval Forces, Vietnam.
Task Force 116 được thành lập ngày 15 tháng 3 năm 1966 tại căn cứ Hải-Đoàn 22 Xung-Phong, Nhà Bè, dưới quyền chỉ huy của Hải-Quân Đại-Tá Burton B. William, Jr. Tổng số giang đình đầu tiên là 60 PBR.	Task Force 116 was established on March 15, 1966, at Nhà Bè Naval Base, Headquarters of the 22nd River Assault Group, under the command of U.S. Navy Captain Burton B. William, Jr. The initial total number of river craft was 60 PBRs (Patrol Boat, River).
 Căn Cú Nhà Bè, Hải Quân Việt Nam Cộng	 Nhà Bè Naval Base, Republic of Vietnam

Hòa {https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/}	Navy {https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/}
 Giang Tốc Đĩnh, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, 2012}	 Patrol Boat, River (PBR), Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
Tổ Chức - Organization Bộ-Tham-Mưu LLTT gồm có Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Patrol Force Staff consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tư-Lệnh hành quân đóng tại Châu-Phú, Châu-Đốc. Về sau, Bộ-Tư-Lệnh hành quân dời về Bình-Thủy, Cần-Thơ.	The operational headquarters was initially stationed in Châu Phú, Châu Đốc. Later, the operational headquarters was relocated to Bình Thủy, Cần Thơ.
 Căn Cứ Bình Thủy, Cần Thơ, Việt Nam Cộng Hòa {https://deltadustoff.com/2021/06/13/navy-binh-thuy-photos/}	 Bình Thủy Naval Base, Cần Thơ, Republic of Vietnam {https://deltadustoff.com/2021/06/13/navy-binh-thuy-photos/}
Năm 1973, Bộ-Tư-Lệnh hành quân dời về Mỹ-Tho.	In 1973, the operational headquarters was moved again to Mỹ Tho.



Căn Cú Đồng Tâm, Mỹ Tho, Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_T%C3%A2m_Base_Camp}



Đồng Tâm “UNITED HEARTS & MINDS” Naval Base, Mỹ Tho, Republic of Vietnam
{https://en.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_T%C3%A2m_Base_Camp}

Lực-Lượng Tuần-Thám gồm 14 Giang-Đoàn, kể từ Giang-Đoàn 51 Tuần-Thám cho đến Giang-Đoàn 64 Tuần-Thám và được chia thành 4 Liên-Đoàn, gọi là Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm.

The Patrol Force comprised 14 River Patrol Groups, from River Patrol Group 51 to River Patrol Group 64, and was divided into 4 Regiments, referred to as Special Task Regiments.

Mỗi Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm gồm 2 hoặc 3 Giang-Đoàn do một Thiếu-Tá hoặc Trung-Tá Hải-Quân chỉ huy.

Each Special Task Regiment consisted of 2 or 3 River Patrol Groups, commanded by a Navy Lieutenant Commander or Navy Commander.

Phối Trí - Arrangement

- Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm 212.1 gồm các Giang-Đoàn 51 Tuần-Thám, 52 Tuần-Thám và 53 Tuần-Thám; chịu trách nhiệm Đặc Khu Rừng Sát, sông Lòng-Tào, sông Soài Rạp, sông Đồng-Tranh; hậu cứ Nhà-Bè.
- Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm 212.2 gồm các Giang-Đoàn 54 Tuần-Thám, 55 Tuần-Thám và 56 Tuần-Thám; đặc trách hành quân vùng Tân-Châu, Châu-Đốc, Cao-Lãnh, Neak Luong; hậu cứ Tân-Châu.
- Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm 212.3, gồm các Giang-Đoàn 57 Tuần-Thám, 58 Tuần-Thám và 60 Tuần-Thám; chịu trách nhiệm các vùng Long-An, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Kiến-Tường, Tây-Ninh; hậu cứ Bến-Lúc.
- Liên-Đoàn Đặc-Nhiệm 212.4 gồm các Giang-Đoàn 61 Tuần-Thám, 62 Tuần-Thám và 63 Tuần-Thám; chịu trách nhiệm vùng Rạch-Giá, Hà-Tiên, sông Cái Lớn; hậu cứ Rạch-Sỏi.
- Giang-Đoàn 64 Tuần-Thám được biệt phái cho Bộ-Tư-Lệnh Vùng I Duyên-Hải; trách nhiệm tuần thám trên sông Hương; hậu cứ Huế.
- Giang-Đoàn 59 Tuần-Thám trừ bị.



Căn Cú Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Arrangement

- Special Task Regiment 212.1 consisted of River Patrol Groups 51, 52, and 53; responsible for the Rung Sat Special Zone, Long Tao River, Soai Rap River, and Dong Tranh River; rear base at Nha Be.
- Special Task Regiment 212.2 consisted of River Patrol Groups 54, 55, and 56; specially responsible for operations in the Tan Chau, Chau Doc, Cao Lanh, and Neak Luong areas; rear base at Tan Chau.
- Special Task Regiment 212.3 consisted of River Patrol Groups 57, 58, and 60; responsible for the Long An, Vam Co Dong, Vam Co Tay, Kien Tuong, and Tay Ninh areas; rear base at Ben Luc.
- Special Task Regiment 212.4 consisted of River Patrol Groups 61, 62, and 63; responsible for the Rach Gia, Ha Tien, and Cai Lon River area; rear base at Rach Soi.
- River Patrol Group 64 was detached to the Coastal Zone I Headquarters; responsible for patrol operations on the Huong River; base at Hue.
- River Patrol Group 59 in reserve.



Tân Châu Naval Base, An Giang Province,

Cộng Hòa {https://www.facebook.com/100068126347147/posts/in-this-september-1970-photo-seabees-with-naval-construction-battalion-62-weld-p/977502021197334/}	Republic of Vietnam {https://www.facebook.com/100068126347147/posts/in-this-september-1970-photo-seabees-with-naval-construction-battalion-62-weld-p/977502021197334/}
 Căn Cứ Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam Cộng Hòa {http://15thengineer.50megs.com/Web-BFEmily-DD-Ben-Luc.jpg}	 Bến Lức Naval Base, Long An Province, Republic of Vietnam {http://15thengineer.50megs.com/Web-BFEmily-DD-Ben-Luc.jpg}
 Căn Cứ Rạch Sỏi, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam Cộng Hòa {http://www.riverinesailor.com/RachSoi.htm}	 Rạch Sỏi Naval Base, Kiên Giang Province, Republic of Vietnam {http://www.riverinesailor.com/RachSoi.htm}
Mỗi Giang-Đoàn Tuần-Thám có 20 PBR, do một Đại-Ủy hoặc Thiếu-Tá chỉ huy; và được chia thành 5 Liên-Đội.	Each River Patrol Group has 20 PBRs, commanded by a Navy Lieutenant or Navy Lieutenant Commander; and is divided into 5 squadrons.
Mỗi Liên-Đội có 4 PBR do một Trung-Ủy chỉ huy.	Each squadron has 4 PBRs commanded by a Navy Lieutenant Junior Grade.
Mỗi PBR có từ 4 đến 5 nhân viên do một hạ sĩ	Each PBR (Patrol Boat, River) has 4 to 5

quan Hải Quân làm thuyền trưởng.	crew members, commanded by a Navy non-commissioned officer serving as the boat captain.
PBR có chiều dài 31 feet, chiều ngang 10 feet rưỡi, vỏ bằng nhựa (fiberglass), nhẹ, vận tốc cao – khoảng 32 km/giờ – chạy bằng máy phản lực, không có chân vịt cho nên rất thích hợp trên những sông cạn.	A PBR (Patrol Boat, River) was 31 feet long and 10½ feet wide, with a fiberglass hull. It was lightweight and capable of high speed, about 32 km/h. It was powered by water-jet propulsion, with no propellers, making it highly suitable for operations on shallow rivers.
Mỗi PBR được trang bị 2 radio, 1 radar, máy truyền tin cực mạnh, ống dòm hồng ngoại tuyến, súng cối 81 ly và 12 ly 7 đôi. Trong nhiều trường hợp, PBR cũng được trang bị súng 50 ly đôi, 7 ly 62 và 20 ly.	Each PBR (Patrol Boat, River) was equipped with two radios, one radar, a high-power transmitter, infrared binoculars, an 81-mm mortar, and twin .50-caliber machine guns (12.7 mm). In many cases, PBRs were also fitted with twin .50-caliber guns, 7.62-mm machine guns, and 20-mm guns.
Patrol Boat, River (PBR) được trang bị 12 ly 7 đôi, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://www.imfdb.org/wiki/Good_Morning_Vietnam}	Dual Browning M2HB in Patrol Boat, River (PBR) - .50 BMG, Republic of Vietnam Navy {https://www.imfdb.org/wiki/Good_Morning_Vietnam}

 29.320;84.112 Figure 11-7. — 81 mm mortar and piggyback .50 caliber machine gun.	 29.320;84.112 Figure 11-7. — 81 mm mortar and piggyback .50 caliber machine gun.
Súng cối 81 ly {https://www.eugeneleeslover.com/USNAVY/COASTAL-RIVERINE-CRAFT-ARMAMENT.php}	81-mm mortar, Republic of Vietnam Navy {https://www.eugeneleeslover.com/USNAVY/COASTAL-RIVERINE-CRAFT-ARMAMENT.php}
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Trách nhiệm trực tiếp vùng biên giới Tân-Châu, Hồng-Ngự, Châu-Đốc. Hà-Tiên, Cao-Lãnh, v. v...	Area of Operations Direct responsibility for the border regions of Tân Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc, Hà Tiên, Cao Lãnh, etc.
Ngoài ra Lực-Lượng Tuần-Thám cũng được tăng phái cho những vùng hành quân và trực thuộc dưới sự chỉ huy của vùng đó.	In addition, the Patrol Force was also deployed to other operational areas and placed under the command authority of those respective areas during deployments.
Tư-Lệnh đầu tiên và cũng là Tư-Lệnh cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Nghiêm Văn Phú.	The first and also the last Commander: Commodore Nghiêm Văn Phú.



Phó-Đề-Đốc Nghiêm Văn Phú (1928-2008),
Tư Lệnh Lực Lượng Tuần Thám - Lực Lượng
Đặc Nhiệm 212, Hải Quân Việt Nam Cộng
Hòa {https://www.truclamientu.info/the-environmental-activist/dml_cac-vi-pho-de-doc-hai-quan-viet-nam-cong-hoa.html}



Commodore Nghiem Van Phu (1928-2008),
Commander, Patrol Force – Task Force 212,
Republic of Vietnam Navy
{https://www.truclamientu.info/the-environmental-activist/dml_cac-vi-pho-de-doc-hai-quan-viet-nam-cong-hoa.html}

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang
Khóa 2 (11/1952 – 5/1953), Đệ Nhất Kim
Ngưu, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

Nha Trang Naval Training Center Class 2
(11/1952 – 5/1953), First Taurus, Republic of
Vietnam Navy

Danh-Sách Khoá 2 (tháng 11-1952 đến tháng 5-1953):

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1) Khương-Hữu-Bá | 2) Đặng-Cần-Chánh |
| 3) Võ-Văn-Chơn | 4) Đỗ-Quý-Hợp |
| 5) Đinh-Mạnh-Hùng | 6) Nguyễn-Văn-Kinh |
| 7) Ngô-Khắc-Luân | 8) Trương-Ngọc-Lực |
| 9) Nghiêm-Văn-Phú | 10) Phùng-Nhật-Tân |
| 11) Nguyễn-Văn-Thu | 12) Nguyễn-Hữu-Tiểu |
| 13) Nguyễn-Văn-Trụ | |



Nghiem van Phu(D) Pham Ngoc Luy
Ho ngoc Bau(D) Dinh Manh Hung Nguyen van Thu(D) Dang can Chanh Nguyen Duy Lung(?)
Truong Hui Ba
Nguyen van Kinh Nguyen hui Tieng(D) Tran ngoc Dung(D) Nguyen van Thu(D) Do Quy Hop Truong ngoc Luc(D)
Ngô Khắc Luân
Vo Van Chanh(D) Class 1953 VN Naval Academy Nha Trang
Christmas 1952
Phung nhut Tan

Các SVSQ/IIQ Khóa 2 họp mặt mừng Giáng Sinh cuối năm 1952.

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha
Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải

Danh-Sách Khoá 2 (tháng 11-1952 đến tháng 5-1953):

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1) Khương-Hữu-Bá | 2) Đặng-Cần-Chánh |
| 3) Võ-Văn-Chơn | 4) Đỗ-Quý-Hợp |
| 5) Đinh-Mạnh-Hùng | 6) Nguyễn-Văn-Kinh |
| 7) Ngô-Khắc-Luân | 8) Trương-Ngọc-Lực |
| 9) Nghiêm-Văn-Phú | 10) Phùng-Nhật-Tân |
| 11) Nguyễn-Văn-Thu | 12) Nguyễn-Hữu-Tiểu |
| 13) Nguyễn-Văn-Trụ | |



Nghiem van Phu(D) Pham Ngoc Luy
Ho ngoc Bau(D) Dinh Manh Hung Nguyen van Thu(D) Dang can Chanh Nguyen Duy Lung(?)
Truong Hui Ba
Nguyen van Kinh Nguyen hui Tieng(D) Tran ngoc Dung(D) Nguyen van Thu(D) Do Quy Hop Truong ngoc Luc(D)
Ngô Khắc Luân
Vo Van Chanh(D) Class 1953 VN Naval Academy Nha Trang
Christmas 1952
Phung nhut Tan

Các SVSQ/IIQ Khóa 2 họp mặt mừng Giáng Sinh cuối năm 1952.

The Naval Officer Cadets of Class 2 gathered
to celebrate Christmas at the end of 1952, Nha

Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 505, 2012}	Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, page 505, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	 Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}

LỰC-LƯỢNG TRUNG-ƯƠNG (Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 214) - CENTRAL FORCE (Task Force 214)	CENTRAL FORCE (Task Force 214)
	 Central Force Insignia
Tổ Chức - Organization Bộ-Chỉ-Huy Lực-Lượng Trung-Ương gồm có Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Central Force Headquarters consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Chỉ-Huy được đặt tại Đồng-Tâm, thuộc tỉnh Định-Tường.	The Headquarters was located at Đồng Tâm “UNITED HEARTS & MINDS” in Định Tường province.
 Đồng Tâm Căn Cứ Yểm Trợ Tiếp Vận Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa - ĐỒNG TÂM “UNITED HEARTS AND MINDS”, Mỹ Tho, Việt Nam Cộng Hòa https://bencublog.wordpress.com/2021/09/16/cancu-dong-tam-voi-dong-tam-tu-ld-ttn/	 Naval Logistics Support Base of the Republic of Vietnam Navy – ĐỒNG TÂM “UNITED HEARTS AND MINDS”, Mỹ Tho, Republic of Vietnam https://bencublog.wordpress.com/2021/09/16/cancu-dong-tam-voi-dong-tam-tu-ld-ttn/

Về hành chánh, Lực-Lượng Trung-Ương gồm có: ▪ Liên-Đoàn Người Nhái ▪ 2 Giang-Đoàn Trục-Lôi ▪ 4 Giang-Đoàn Ngăn-Chặn ▪ Nhiều Căn Cứ Hải Quân	Administratively, the Central Force consisted of: • The Frogman Brigade • 2 Minesweeping River Groups • 4 River Interdiction Groups • Numerous Naval Bases
Giang-Đoàn Ngăn-Chặn được trang bị cùng loại chiến đĩnh với Giang-Đoàn Thủy-Bộ và có thêm máy phun lửa. Mỗi Giang-Đoàn Ngăn-Chặn được chỉ huy bởi một Thiếu-Tá hoặc Đại-Úy Hải-Quân.	The River Interdiction Groups were equipped with the same type of combat boats as the Amphibious Groups and were additionally fitted with flamethrower units. Each River Interdiction Group was commanded by a Navy Lieutenant Commander or Lieutenant.
 Tàu phun lửa, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://jp.pinterest.com/pin/127015651986174390/}	 A Zippo flamethrower, Republic of Vietnam Navy {https://jp.pinterest.com/pin/127015651986174390/}
Về hành quân, Lực-Lượng Trung-Ương được tăng phái 2 Giang-Đoàn Tuần-Thám và 2 Giang-Đoàn Xung-Phong.	Operationally, the Central Force was reinforced with 2 River Patrol Groups and River Assault Groups.
Lực-Lượng Trung-Ương có 300 sĩ quan, khoảng 3.000 binh sĩ và được chia làm 3 Liên-Đoàn. Mỗi Liên-Đoàn gồm 2 Giang-Đoàn và đặt dưới sự chỉ huy của một Thiếu-Tá hoặc Trung-Tá Hải-Quân.	The Central Force had 300 officers and approximately 3,000 enlisted personnel, and was divided into 3 Regiments. Each Regiment consisted of 2 Riverine Groups and was placed under the command of a Navy Lieutenant Commander or Commander.
Hậu cứ của các Liên-Đoàn: ▪ Liên-Đoàn 214.1 đóng tại Tuyên-Nhơn. ▪ Liên-Đoàn 214.2 đóng tại Kinh Chợ Gạo. ▪ Liên-Đoàn 214.3 đóng tại Cao-Lãnh.	Bases of the Regiments: ▪ Regiment 214.1 was stationed at Tuyên Nhơn. ▪ Regiment 214.2 was stationed at Kinh Chợ Gạo. ▪ Regiment 214.3 was stationed at Cao Lãnh

Phạm Vi Hoạt Động - Area of Operations Miền Tiền-Giang, từ bên này sông Cũu-Long cho đến sông Vàm-Cỏ, gồm các tỉnh Định-Tường, Vĩnh-Long, Kiến-Tường, v.v...	Area of Operations The Tiền Giang region, from this side of the Mekong River (Cửu Long) to the Vàm Cỏ River, including the provinces of Định Tường, Vĩnh Long, Kiến Tường, etc.
Tư-Lệnh cuối cùng: Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn Văn Thông.	The last Commander: Navy Captain Nguyễn Văn Thông.

GIANG-ĐOÀN XUNG-PHONG - RIVER ASSAULT GROUP	RIVER ASSAULT GROUP
	

Tổ Chức - Organization Chỉ-Huy-Trưởng của mỗi Giang-Đoàn Xung-Phong (River Assault Group) có thể là Thiếu-Tá hoặc Đại-Úy Hải-Quân. Về sau, vì thiếu sĩ quan, một số sĩ quan tốt nghiệp từ trường Bộ-Binh Thủ-Đức biệt phái cũng được huấn luyện để giữ những chức vụ này.	Organization The Commanding Officer of each River Assault Group (Giang-Đoàn Xung-Phong) could be a Navy Lieutenant Commander or a Navy Lieutenant. Later on, due to a shortage of officers, several officers graduating from the Thủ Đức Infantry School who had been seconded to the Navy were also trained to assume these positions.
Trang Bị - Armament Mỗi Giang-Đoàn Xung-Phong được trang bị: ▪ 6 LCVP – mỗi LCVP có 1 đại bác 20 ly và 2 trung liên 7 ly 62. ▪ 6 FOM – mỗi FOM có 1 đại liên 12 ly 7 và 3 trung liên 7 ly 62. ▪ 4 LCM – mỗi LCM có 2 đại bác 20 ly và 2 đại liên 12 ly 7. ▪ 1 Combat, được trang bị: 1 đại bác 40 ly, 1 súng cối 81 ly, 2 trung liên 7 ly 62 và 1 đại liên 12 ly 7. ▪ 1 Commandement, được trang bị: 2 đại liên 12 ly 7 hoặc 1 đại liên 40 ly, 2 trung liên 7 ly 62 hoặc 20 ly và 1 súng cối 81 ly. Ngoài ra, trên mỗi giang đình đều có súng cá nhân như M79, M16 và 57 trực xạ.	Armament Each River Assault Group was equipped with: ▪ 6 LCVPs — each LCVP mounted one 20-mm cannon and two 7.62-mm medium machine guns. ▪ 6 FOMs — each FOM mounted one 12.7-mm heavy machine gun and three 7.62-mm medium machine guns. ▪ 4 LCMs — each LCM mounted two 20-mm cannons and two 12.7-mm heavy machine guns. ▪ 1 Combat boat, equipped with: one 40-mm cannon, one 81-mm mortar, two 7.62-mm medium machine guns, and one 12.7-mm heavy machine gun. ▪ 1 Commandement boat, equipped with: two 12.7-mm heavy machine guns or one 40-mm heavy machine gun, two 7.62-mm medium machine guns or 20-mm guns, and one 81-mm mortar. In addition, each river craft carried personal weapons such as M79 grenade launchers, M16 rifles, and 57-mm recoilless rifles.



Landing Craft (LCVP), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://www.history.navy.mil/our-collections/photography/numerical-list-of-images/nhhc-series/nh-series/USN-1109000/USN-1109781.html>}



Landing Craft (LCVP), Republic of Vietnam Navy {<https://www.history.navy.mil/our-collections/photography/numerical-list-of-images/nhhc-series/nh-series/USN-1109000/USN-1109781.html>}



{Services Techniques des Constructions et Armes Navales (STCAN)}, {France d'Outre Mer (FOM)}, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



{Services Techniques des Constructions et Armes Navales (STCAN)}, {France d'Outre Mer (FOM)}, Republic of Vietnam Navy {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



Tiểu Giáp Đĩnh (Truy Kích Đĩnh), {Services Techniques des Constructions et Armes Navales (STCAN)}, {France d'Outre Mer



{Services Techniques des Constructions et Armes Navales (STCAN)}, {France d'Outre Mer (FOM)}, Republic of Vietnam Navy {E.

{FOM}}, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {E. J. Marolda, Warfare on the Rivers and Canals of Vietnam, <https://www.history.navy.mil/content/dam/nhrc/research/publications/publication-508-pdf/978-0-945274-74-2.pdf>, 91 pages}

J. Marolda, Warfare on the Rivers and Canals of Vietnam, <https://www.history.navy.mil/content/dam/nhrc/research/publications/publication-508-pdf/978-0-945274-74-2.pdf>, 91 pages}



LCM (Armored Troop Carrier), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



LCM (Armored Troop Carrier/Tango), Republic of Vietnam Navy {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



Combat, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



Combat, Republic of Vietnam Navy {<http://indochine54.free.fr/cefeo/boats.html>}



Soái-Đỉnh Xung-Phong (Commandement), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, 2012}



Commandement, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



Đại bác 20 ly
{<https://www.facebook.com/groups/384731661722053/posts/3116810751847450/>}



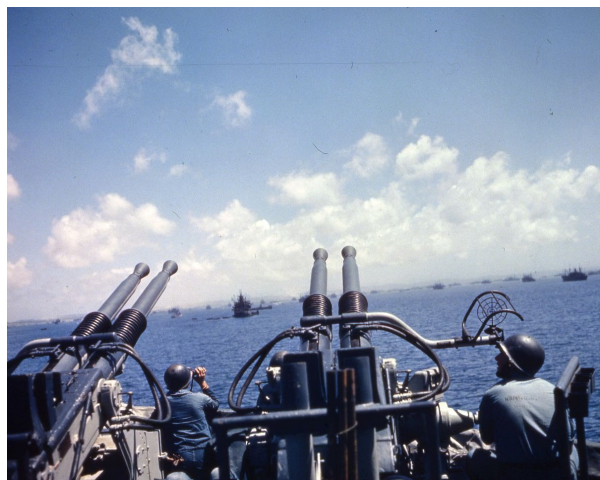
20-mm cannon
{<https://www.facebook.com/groups/384731661722053/posts/3116810751847450/>}



7.62 ly
{<https://bhavanajagat.com/2011/09/09/operation-eagle-1971-and-the-vietnam-war/7-62mm-m60-general-purpose-machine-gun/>}



7.62-mm M60 machine gun
{<https://bhavanajagat.com/2011/09/09/operation-eagle-1971-and-the-vietnam-war/7-62mm-m60-general-purpose-machine-gun/>}



40 ly
{<https://www.warhistoryonline.com/war->}



40-mm cannon
{<https://www.warhistoryonline.com/war->}

articles/bofors-40mm-revolutionized-anti-aircraft-combat.html}



Súng cối 81 ly
{<https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/>}

articles/bofors-40mm-revolutionized-anti-aircraft-combat.html}



81-mm mortar
{<https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/>}



M79
{https://en.wikipedia.org/wiki/M79_grenade_launcher}



M79 grenade launcher
{https://en.wikipedia.org/wiki/M79_grenade_launcher}



M16
{<https://www.britannica.com/technology/M16-rifle>}



M16
{<https://www.britannica.com/technology/M16-rifle>}

	
57-ly trực xạ {https://www.thefirearmblog.com/blog/2011/02/07/the-57mm-m18a1-recoilless-rifle/}	57-mm recoilless rifle {https://www.thefirearmblog.com/blog/2011/02/07/the-57mm-m18a1-recoilless-rifle/}
Nhiệm Vụ - Mission Chuyên vận, yểm trợ và phối hợp hành quân với quân bạn.	Mission Transport, provide support, and coordinate operations with friendly forces.
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Tất cả sông rạch thuộc miền Nam Việt-Nam. Đội hình di chuyển *: ▪ 2 LCVP ▪ 2 FOM ▪ 1 Combat ▪ 1 LCM ▪ 2 LCVP ▪ 1 LCM ▪ 2 FOM ▪ 1 LCM ▪ 2 LCVP ▪ 1 LCM ▪ 1 Commandement ▪ 2 FOM * Đội hình có thể thay đổi tùy theo nhu cầu chiến trường.	Area of Operations All rivers and canals in South Vietnam. Movement Formation*: 2 LCVP 2 FOM 1 Combat boat 1 LCM 2 LCVP 1 LCM 2 FOM 1 LCM 2 LCVP 1 LCM 1 Commandement boat 2 FOM The formation may be changed according to battlefield requirements.

LIÊN-ĐOÀN TUẦN-GIANG - RIVER PATROL REGIMENT	RIVER PATROL REGIMENT
	
Thành Lập - Establishment Để đáp ứng nhu cầu chiến trường, Lực-Lượng Giang-Phòng được thành lập và trực thuộc Bộ-Tư-Lệnh Địa-Phương-Quân.	Establishment To meet battlefield requirements, the River Defense Force was established and placed under the Regional Forces Command.
Về sau, danh xưng Lực-Lượng Giang-Phòng được đổi thành Liên-Đoàn Tuần-Giang, trực thuộc Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân.	Later, the designation River Defense Force was changed to River Patrol Regiment and placed under the Republic of Vietnam Navy Headquarters.
Bộ-Chỉ-Huy Liên-Đoàn Tuần-Giang đặt tại Saigon.	The Headquarters of the River Patrol Regiment was located in Saigon.
	
Bộ Tư Lệnh Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa tại bến Bạch Đằng, Sài Gòn, Việt Nam Cộng Hòa { https://sqhq21.com/?page_id=4743 }	Republic of Vietnam Navy Headquarters, Bach Dang Wharf, Saigon, Republic of Vietnam { https://sqhq21.com/?page_id=4743 }
Tổ Chức - Organization Khóa Tuần-Giang đầu tiên do Hải-Quân huấn luyện. Sau đó, Trung-Tâm Huấn-Luyện Tuần-Giang được thành lập tại Cát-Lái.	Organization The first River Patrol training course was conducted by the Republic of Vietnam Navy. Afterward, the River Patrol Training Center was established at Cát Lái.

	
Căn Cứ Cát Lái, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://www.flickr.com/photos/97930879@N02/32388822326/in/photostream/}	Cát Lái Naval Base, Republic of Vietnam Navy {https://www.flickr.com/photos/97930879@N02/32388822326/in/photostream/}
Ba đại đội sửa chữa được đặt tại Saigon, Cần-Thơ và Mỹ-Tho.	Three repair companies were stationed in Saigon, Cần Thơ, and Mỹ Tho.
Quản Trị - Administration Về hành chánh: Bộ-Chỉ-Huy Liên-Đoàn Tuần-Giang trực thuộc Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân về quản trị nhân viên, thuyền chuyền, bổ nhiệm, tiếp liệu, sửa chữa, v.v...	Administration In administrative matters: The Headquarters of the River Patrol Regiment under the Navy Command for personnel management, transfers, appointments, logistics, repairs, etc.
Về hành quân: Đại-Đội Tuần-Giang đặt dưới sự điều động và sử dụng của Tiểu-Khu.	In operational matters: Each River Patrol Company was placed under the operational control and employment of the Province Sector.
Thành Phần - Composition Liên-Đoàn Tuần-Giang gồm 24 Đại-Đội, kể từ Đại-Đội 11 Tuần-Giang đến Đại-Đội 35 Tuần-Giang.	Composition The River Patrol Regiment consisted of 24 companies, from River Patrol Company 11 to River Patrol Company 35.
Mỗi Đại-Đội Tuần-Giang được một Thiếu-Tá hoặc Đại-Úy chỉ huy.	Each River Patrol Company was commanded by a Major or a Captain.
Trang Bị - Armament Đại-Đội Tuần-Giang được trang bị 1 LCM 8 và 8 hoặc 9 LCVP.	Armament Each River Patrol Company was equipped with 1 LCM-8 and 8 or 9 LCVPs.
Mỗi giang đình được trang bị đại liên 50, đại liên 30 và M72.	Each riverine vessel was armed with a .50-caliber heavy machine gun, a .30-caliber machine gun, and an M72.



LCM-8, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<https://en.wikipedia.org/wiki/LCM-8>}



LCM-8, Republic of Vietnam Navy
{<https://en.wikipedia.org/wiki/LCM-8>}



Landing Craft (LCVP), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<https://www.history.navy.mil/our-collections/photography/numerical-list-of-images/nhhc-series/nh-series/USN-1109000/USN-1109781.html>}



Landing Craft (LCVP), Republic of Vietnam Navy
{<https://www.history.navy.mil/our-collections/photography/numerical-list-of-images/nhhc-series/nh-series/USN-1109000/USN-1109781.html>}



Đại liên 50 ly
{https://en.wikipedia.org/wiki/M2_Browning}



50-mm heavy machine gun
{https://en.wikipedia.org/wiki/M2_Browning}

 Đại liên 30 ly {https://leminhdao.wordpress.com/wp-content/uploads/2011/10/m1919_01_30cal.jpg}	 30-mm machine gun {https://leminhdao.wordpress.com/wp-content/uploads/2011/10/m1919_01_30cal.jpg}
 M72 Light Anti-Tank Weapon (LAW) {https://www.ima-usa.com/products/original-u-s-vietnam-war-inert-complete-rare-gen-1-m72-light-anti-armor-rocket-propelled-grenade-launcher-law-tube-dated-1965?variant=40794347798597#mz-expanded-view-860691151911}	 M72 Light Anti-Tank Weapon (LAW) {https://www.ima-usa.com/products/original-u-s-vietnam-war-inert-complete-rare-gen-1-m72-light-anti-armor-rocket-propelled-grenade-launcher-law-tube-dated-1965?variant=40794347798597#mz-expanded-view-860691151911}
Nhiệm Vụ - Mission Mỗi Tiểu-Khu được tăng phái một hoặc hai Đại-Đội Tuần-Giang để thực hiện những nhiệm vụ sau đây: ▪ Chuyên chở Bộ-Binh và phối hợp những đơn vị bạn tham dự các cuộc hành quân do Tiểu-Khu tổ chức. ▪ Kiểm soát ghe thuyền để khám phá và ngăn chặn sự xâm nhập của địch. Tuần tiểu và giữ an ninh cầu cống trên những thủy trình do Tiểu-Khu chỉ định. ▪ Bảo vệ an ninh ấp, xã, yểm trợ hỏa lực và tiếp viện đồn bót ven sông. ▪ Hộ tống xà-lan đạn, dầu, thực phẩm, v.v... Chỉ-Huy-Trưởng cuối cùng: Đại-Tá Kỹ-Thuật	Mission Each Province Sector was assigned one or two River Patrol Companies to carry out the following missions: ▪ Transport infantry units and coordinate with friendly forces participating in operations organized by the Province Sector. ▪ Inspect and control boats to detect and prevent enemy infiltration. Patrol and maintain security of bridges and culverts on waterways designated by the Province Sector. ▪ Protect the security of hamlets and villages, provide fire support, and reinforce riverbank outposts. ▪ Escort barges carrying ammunition, fuel, food, etc. The last Commander: Colonel Nguyễn Văn

Nguyễn Văn Kinh.	Kinh, Republic of Vietnam Army Corps of Engineers.
------------------	--

LỰC-LƯỢNG ĐẶC-NHIỆM 99 - TASK FORCE 99	TASK FORCE 99
Thành Lập - Establishment Ngay sau khi trở lại nhậm chức Tư-Lệnh Hải-Quân lần thứ hai, Phó-Đô-Đốc Chung Tấn Cang ra lệnh thành lập Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 99 trong vòng 24 tiếng đồng hồ.	Establishment Immediately after returning to assume the post of Chief of Naval Operations for the second time, Vice Admiral Chung Tấn Cang ordered the establishment of Task Force 99 within 24 hours.
	
Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang (1926-2007), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa	Vice Admiral Chung Tấn Cang (1926-2007), Republic of Vietnam Navy
Lực-Lượng này được đặt dưới sự điều động trực tiếp của Tư-Lệnh Hải-Quân chứ không theo hệ thống quân giai. Hậu cứ là Căn-Cứ Hải-Quân Nhà-Bè.	This force was placed directly under the operational control of the Chief of Naval Operations, rather than under the regular military chain of command. Its rear base was the Nhà Bè Naval Base.



Căn Cú Nhà Bè, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

{<https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/>}



Nhà Bè Naval Base, Republic of Vietnam Navy

{<https://www.facebook.com/groups/1789180551553112/posts/2343329352804893/>}

Vì tính cách cấp thời, Bộ-Tham-Mưu Lực-Lượng chỉ gồm có: Chỉ-Huy-Trưởng, một Trung-Úy, một tài xế và một thượng sĩ vô tuyến.

Because of the urgent nature of its creation, the Task Force Staff consisted only of: a Commander, one Navy Lieutenant Junior Grade, one driver, and one radio communications warrant officer.

Trang Bị - Armament

Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 99 gồm 50 chiến đỉnh, là sự kết hợp của các Giang-Đoàn: 42 Ngăn-Chặn, 59 Tuần-Thám, một phần của Giang-Đoàn 22 Xung-Phong, một toán trực vớt, một toán tiền-phong-đỉnh, một trung đội Hải-Kích, 3 súng phun lửa.

Armament

Task Force 99 consisted of 50 combat boats, formed by combining elements from the following riverine units: River Interdiction Group 42, River Patrol Group 59, a part of River Assault Group 22, a salvage/recovery team, a forward-patrol boat detachment, one Navy SEAL-type assault platoon, and three flamethrower units



Hải Kích, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa



A Republic of Vietnam Navy SEAL-type assault platoon



Tàu phun lửa, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
 {<https://jp.pinterest.com/pin/127015651986174390/>}



A Zippo flamethrower, Republic of Vietnam Navy
 {<https://jp.pinterest.com/pin/127015651986174390/>}

Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations

Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 99 được xem như Lực-Lượng tổng trừ bị của Hải-Quân, với mục đích giải tỏa áp lực nặng của địch ở bất cứ nơi nào thuộc phạm vi hoạt động của Hải-Quân.

Area of Operations

Task Force 99 was regarded as the Navy's overall reserve force, with the mission of relieving heavy enemy pressure wherever it occurred within the Navy's area of operations.

Chỉ-Huy-Trưởng đầu tiên và cũng là cuối cùng: Hải-Quân Đại-Tá Lê Hữu Đồng.

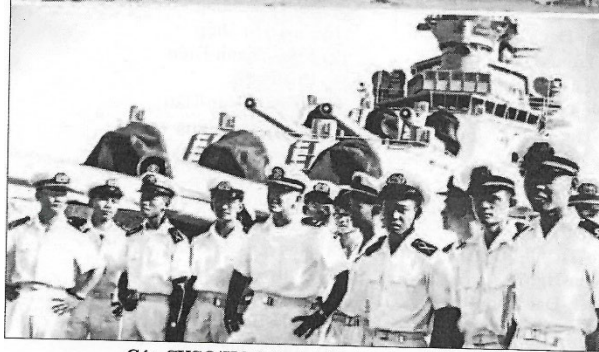
The first and last Commander: Navy Captain Lê Hữu Đồng



Hải Quân Đại Tá Lê Hữu Đồng (1937-), Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Khóa 8 (01/1958 – 4/1960), Đệ Nhất Hổ Cáp,



Navy Captain Lê Hữu Đồng (1937-), Nha Trang Naval Training Center Class 8 (01/1958 – 4/1960), First Scorpius, Republic

Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa { https://nguyentin.tripod.com/dt_lehuudong.htm }	of Vietnam Navy { https://nguyentin.tripod.com/dt_lehuudong.htm }
 <i>Các SVSQ/HQ Khoá 8 Đệ-Nhất Hồ Cáp.</i> Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 511}	 <i>Các SVSQ/HQ Khoá 8 Đệ-Nhất Hồ Cáp.</i> The Naval Officer Cadets of Class 8 (01/1958 – 4/1960), First Scorpius, Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, page 511, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}

VÙNG DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE	COASTAL ZONE
HÀNH-QUÂN LƯU-ĐỘNG-BIỂN - Lực-Lượng Duyên-Phòng - Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 213 { MOBILE SEA OPERATIONS - Coastal Defense Force - Task Force 213 }	MOBILE SEA OPERATIONS - Coastal Defense Force - Task Force 213
	 Task Force 213 Insignia
Tổ Chức - Organization Hành-Quân Lưu-Động-Biển trực thuộc Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân. Phụ-Tá Tư-Lệnh Hải-Quân Hành-Quân Lưu-Động-Biển chịu trách nhiệm tất cả hành quân trên biển.	Organization Mobile Sea Operations fell under the Republic of Vietnam Navy Headquarters. The Deputy Chief of Naval Operations for Mobile Sea Operations was responsible for all naval operations at sea.
Thành Phần - Composition Vùng Duyên-Hải từ vĩ tuyến 17 đến Cà-Mau được chia làm 5 Vùng. Mỗi Vùng Duyên-Hải có một Lực-Lượng Đặc-Nhiệm, gồm những chiến hạm biệt phái, Lực-Lượng cơ hữu (Duyên-Đoàn) và Hải-Đội Duyên-Phòng.	Composition The coastal region from the 17 th parallel down to Cà Mau was divided into 5 zones. Each Coastal Zone had a Task Force composed of detached warships, striking forces (Coastal Groups), and the Coastal Squadrons.



Vĩ Tuyến 17
<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>

Trang Bị - Armament

Mỗi Hải-Đội Duyên-Phòng được trang bị khoảng 30 PCF và Coast Guard.

Mỗi PCF được trang bị 1 súng cối 81 ly đặt phía sau, bên trên là đại liên 12 ly 7.



The 17 Parallel
<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>

Armament

Each Coastal Squadron was equipped with about 30 PCFs (Patrol Craft, Fast) and Coast Guard craft.

Each PCF carried one 81 mm mortar mounted at the rear, with a 12.7 mm heavy machine gun mounted above it.



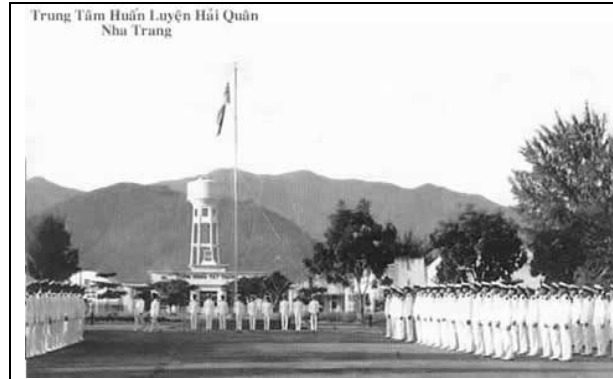
Duyên Tốc Đỉnh {PCF (Patrol Craft, Fast)},
Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



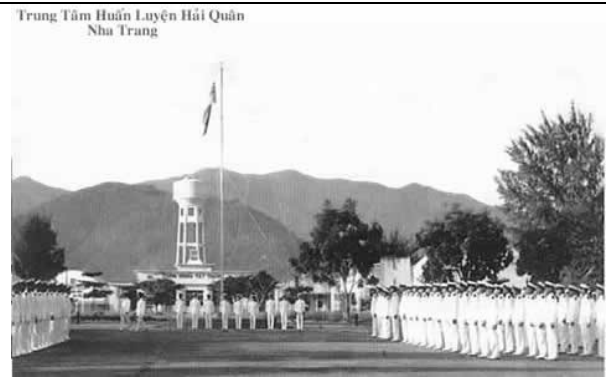
PCF (Patrol Craft, Fast), Republic of Vietnam
Navy
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



Đại liên 12 ly 7 đặt trên súng cối 81 ly {https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/}	A 12.7 mm heavy machine gun mounted above 81-mm mortar {https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/}
Hành Quân - Operations Tất cả Lực-Lượng Đặc-Nhiệm của 5 Vùng Duyên-Hải trực thuộc Lực-Lượng Đặc-Nhiệm 213.	Operations All the Task Forces of the 5 Coastal Zones were under the command of Special Task Force 213.
Phụ-Tá Tư-Lệnh Hải-Quân Hành-Quân Lưu-Động-Biển cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí. * * Tên thật và chức vụ của Cố thi sĩ Hữu Phương.	The last Deputy Chief of Naval Operations for Assistant Naval Commander for Mobile Sea Operations: Commodore Nguyễn Hữu Chí (*). (*) Real name of the late poet Hữu Phương.
 Phó-Đề-Đốc Nguyễn Hữu Chí (1931-1988), Phụ-Tá Tư-Lệnh Hải-Quân Hành-Quân Lưu-Động-Biển, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://bienxua.wordpress.com/2016/05/01/p-ho-de-doc-nguyen-huu-chi-ke-ve-cuoc-hai-trinh-cuoi/}	 Commodore Nguyễn Hữu Chí (1931-1988), Deputy Chief of Naval Operations for Mobile Sea Operations, Republic of Vietnam Navy {https://bienxua.wordpress.com/2016/05/01/p-ho-de-doc-nguyen-huu-chi-ke-ve-cuoc-hai-trinh-cuoi/}
Khóa 3 (7/1953 – 01/1954), Đệ Nhất Song Nam, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang.	Class 3 (7/1953 – 01/1954), First Gemini, Nha Trang Naval Training Center.



Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62>}



Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62>}

HẠM-ĐỘI – FLEET FORCES	FLEET FORCES
Tổ Chức - Organization Bộ-Tư-Lệnh Hạm-Đội gồm có Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng; được đặt tại Hải-Quân Công-Xưởng. Hạm-Đội gồm 3 Hải-Đội.	Organization The Fleet Forces Command consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff; it was located at the Saigon Naval Shipyard. The Fleet Forces Command was composed of (3) Squadrons.
- Hải-Đội I Tuần-Duyên gồm: ➤ PGM từ HQ 601 đến HQ 619. ➤ LSIL từ HQ 327 đến HQ 331. ➤ LSSL từ HQ 225 đến HQ 231. ➤ Nhiệm vụ: tuần tiểu, kiểm soát vùng cận duyên.	- Coastal Patrol Squadron I included: ➤ PGM from HQ 601 to HQ 619 ➤ LSIL from HQ 327 to HQ 331 ➤ LSSL from HQ 225 to HQ 231 ➤ Mission: patrol and control the coastal zone.
 HQ Tiên Mới (Tuần Duyên Hạm 601), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://history-classics.de/?page_id=2989}	 HQ Tiên Mới {Patrol Gunboat, Motor (PGM) 601}, Republic of Vietnam Navy {https://history-classics.de/?page_id=2989}
 HQ Long-Đạo (Giang Pháo Hạm 327), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_ships_of_the_Republic_of_Vietnam_Navy}	 HQ Long-Đạo {Landing Ship Infantry Large (LSIL) 327}, Republic of Vietnam Navy {https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_ships_of_the_Republic_of_Vietnam_Navy}



HQ Nguyễn-Đức-Bổng (Trợ Chiến Hạm 231), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_ships_of_the_Republic_of_Vietnam_Navy}



HQ Nguyễn-Đức-Bổng {Landing Ship Support Large (LSSL) 231}, Republic of Vietnam Navy
{https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_ships_of_the_Republic_of_Vietnam_Navy}

- Hải-Đội II Chuyển-Vận gồm:
 - LST từ HQ 500 đến HQ 505.
 - LSM từ HQ 400 đến HQ 406.
 - LST loại lớn HQ 800 và HQ 801.
 - LCM từ 530...
 - YOG từ HQ.470 đến HQ 475.
 - Cơ-Xưởng-Hạm HQ 802.
 - Nhiệm vụ: hành quân đổ bộ, yểm trợ tiếp vận, y tế, sửa chữa.

- Transport Squadron II included:
 - LST from HQ 500 to HQ 505
 - LSM from HQ 400 to HQ 406
 - Large-type LST HQ 800 and HQ 801
 - LCM from 530...
 - YOG from HQ 470 to HQ 475
 - Repair Ship HQ 802
 - Mission: amphibious operations; logistical, medical, and repair support.



HQ Thị-Nại (Dương Vận Hạm 502), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



HQ Thị-Nại {Landing Ship Tank (LST) 502}, Republic of Vietnam Navy
{<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



hải vận hạm(LSM) Lam Giang-HQ 402

HQ Lam-Giang (Hải Vận Hạm 402), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



hải vận hạm(LSM) Lam Giang-HQ 402

HQ Lam-Giang {Landing Ship Medium (LSM) 402}, Republic of Vietnam Navy {<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



HQ Mỹ-Tho (Yểm Trợ Hạm 800), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



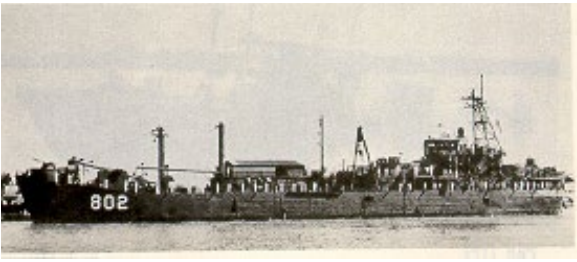
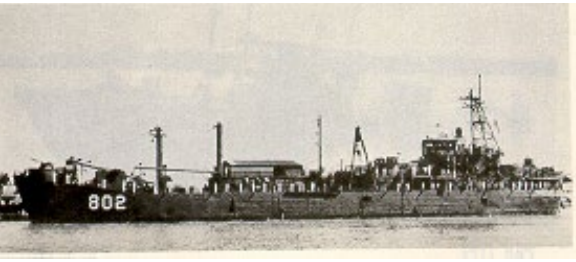
HQ Mỹ Tho {Auxiliary General Purpose (AGP) 800}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



LCM-6 (Monitor), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa



LCM-6 (Monitor), Republic of Vietnam Navy {[https://en.wikipedia.org/wiki/Monitor \(Viet](https://en.wikipedia.org/wiki/Monitor_(Viet)

{https://en.wikipedia.org/wiki/Monitor_(Vietnam_War)}	nam_War)}
 HQ ? (Hỏa Vận Hạm 470), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}	 HQ ? {Yard Oiler (YOG) 470}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
 HQ Vĩnh-Long (Cơ Xưởng Hạm 802), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}	 HQ Vĩnh-Long {Landing Craft Repair Ship (ARL) 802}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
▪ Hải-Đội III Tuần-Dương gồm: ➢ PCE HQ 7, PCER HQ 12, và HQ 14. ➢ WHEC HQ 2, HQ 3, HQ 5, HQ 6, HQ 15, HQ 16 và HQ 17. ➢ DER HQ 1 và HQ 4. Nhiệm vụ: tuần tiễu, ngăn chặn, nghênh chiến khi tàu địch xâm nhập hải phận Việt Nam.	▪ Sea Patrol Squadron III included: ➢ PCE HQ 7, PCER HQ 12, and HQ 14 ➢ WHEC HQ 2, HQ 3, HQ 5, HQ 6, HQ 15, HQ 16, and HQ 17 ➢ DER HQ 1 and HQ 4 Mission: patrol, interdict, and engage enemy ships when they intrude into the Republic of Vietnam's territorial waters.



HQ Đồng-Đa (Hộ Tống Hạm 07), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



HQ Đồng-Đa {Patrol Craft Escort Rescue (PCER) 07}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



HQ Trần-Quang-Khải (Tuần Dương Hạm 2), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



HQ Trần-Quang-Khải {High Endurance Cutter (WHEC) 2}, Republic of Vietnam Navy {<https://dongsongcu.wordpress.com/2022/03/17/bach-dang-giang-cua-noi-giong-tien-rong-ham-doi-hq-vnch/>}



HQ Trần-Hung-Đạo (Khu Trục Hạm 1), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



HQ Trần-Hung-Đạo {Radar Picket Destroyer Escort (DER) 1}, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}

Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations

Khắp 4 vùng chiến thuật, từ vĩ tuyến 17 đến Cà Mau, cả biển lẫn sông.

Area of Operations

Across all four tactical zones, from the 17th parallel down to Cà Mau, covering both sea and rivers.



Vĩ Tuyến 17
 {<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>}



The 17th Parallel
 {<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>}

Tư-Lệnh Hạm-Đội cuối cùng: Hải-Quân Đại Tá Phạm Mạnh Khuê.

The last Commander: Navy Captain Phạm Mạnh Khuê.



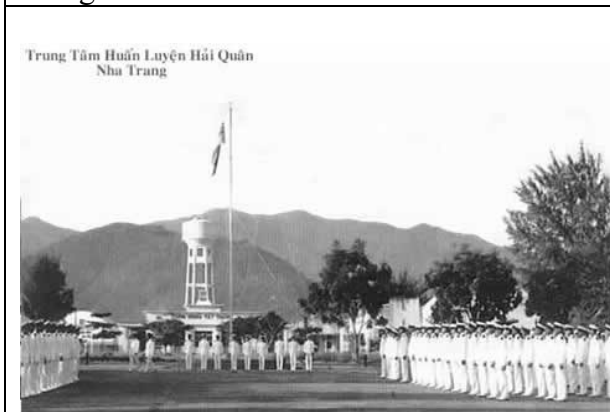
Hải Quân Đại Tá Phạm Mạnh Khuê, Tư Lệnh Hạm Đội, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử Tuyển Tập, trang 295, a Republic of Vietnam Navy publication (2004)}



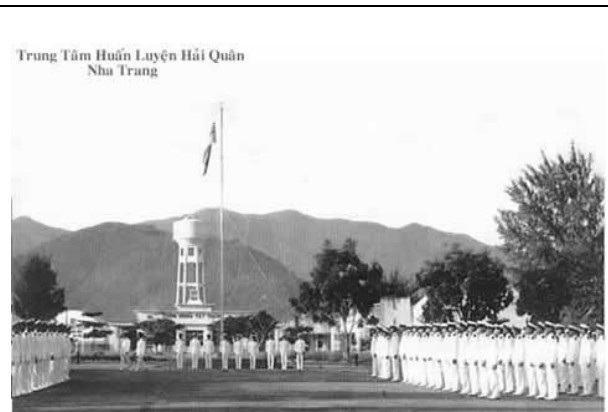
Navy Captain Phạm Mạnh Khuê, Fleet Forces Commander, Republic of Vietnam Navy {Selected Works of Naval History, page 295, a Republic of Vietnam Navy publication (2004)}

Khóa 4 (02/1954 – 12/1954), Đệ Nhất Bắc Giải, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang

Class 4 (02/1954 – 12/1954), First Cancer, Nha Trang Naval Training Center

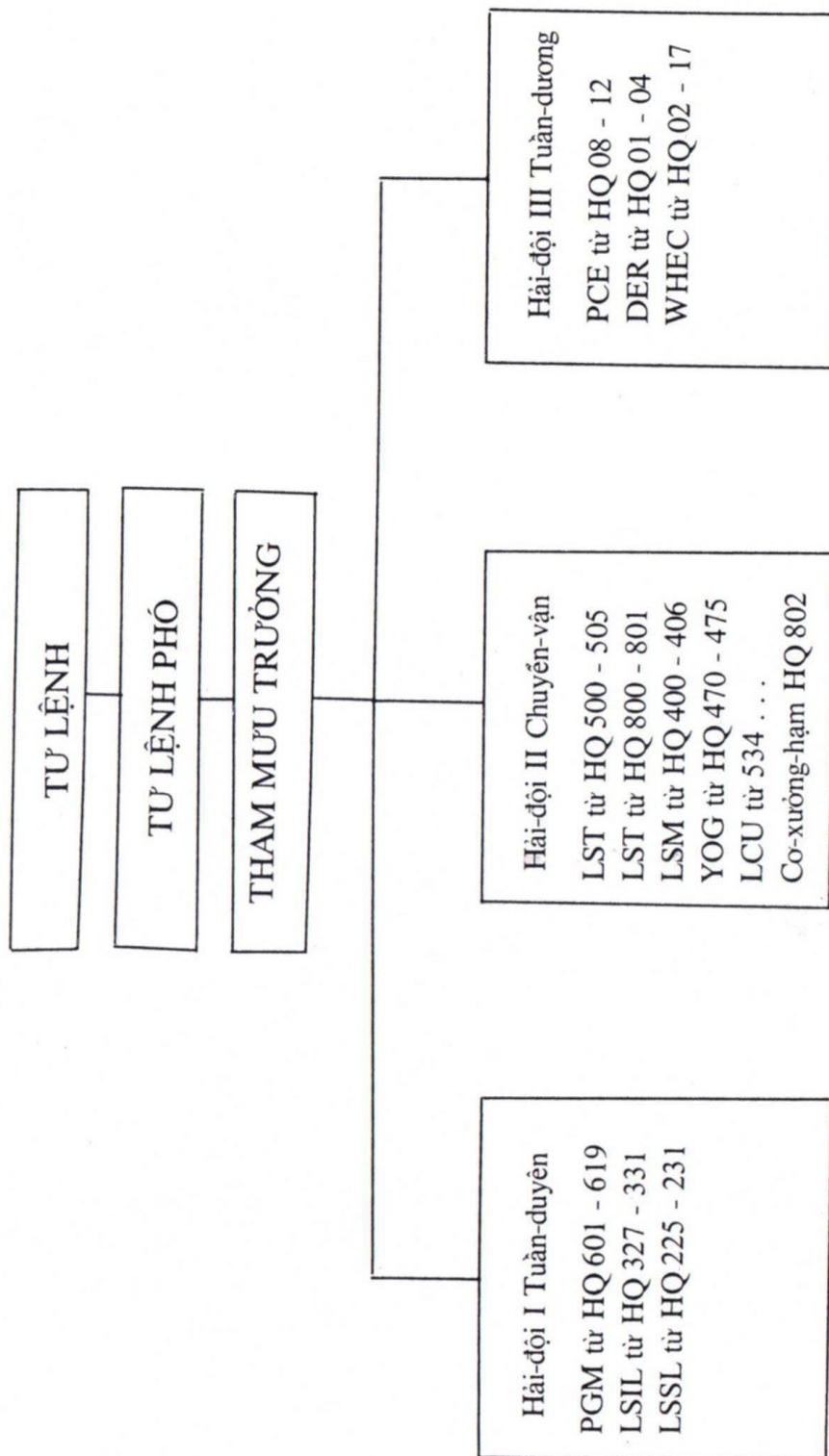


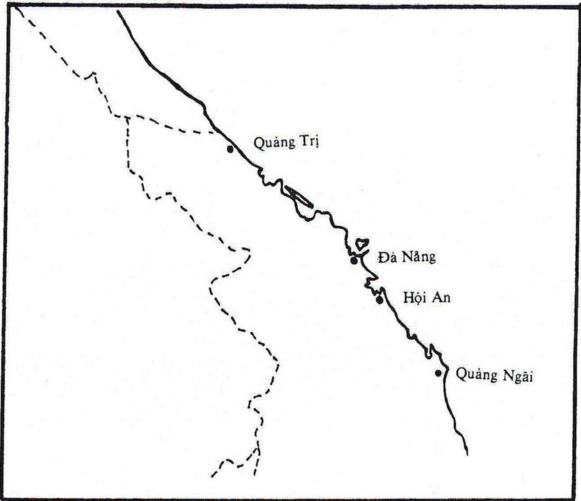
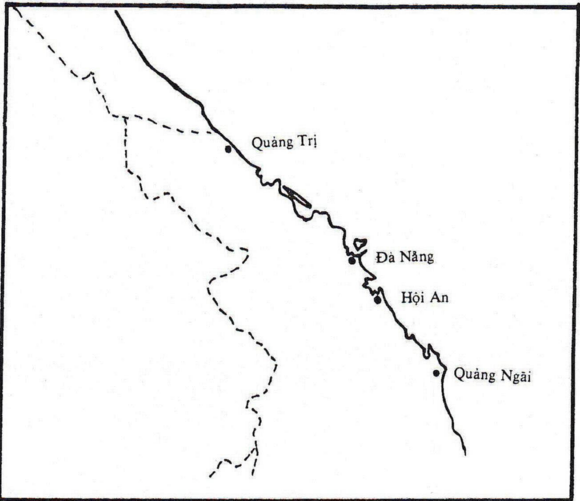
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62>}



Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62>}

SƠ ĐỒ SỰ TỔ CHỨC HẠM ĐỘI



VÙNG I DUYÊN-HẢI – COASTAL ZONE I	COASTAL ZONE I
 Lãnh thổ vùng I Duyên Hải	 Lãnh thổ vùng I Duyên Hải Coastal Zone I
Tổ Chức - Organization Bộ-Tư-Lệnh Vùng I Duyên-Hải gồm có Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Headquarters of Coastal Zone I consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng I Duyên-Hải kiêm Chỉ-Huy-Trưởng Khu Quân-Sự Tiên-Sa, gồm tất cả đơn vị Hải, Lục, Không-Quân đồn trú tại bán đảo Sơn-Chà.	The Commander of Coastal Zone I also served as the Commander of the Tiên Sa Military Sector, including all Navy, Army, and Air Force units stationed on the Sơn Chà Peninsula.



Bán đảo Sơn Trà, Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_Tr%C3%A0_Mountain}



Son Tra Peninsula, Republic of Vietnam
{https://en.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_Tr%C3%A0_Mountain}



Bán đảo Sơn Trà, Việt Nam Cộng Hòa
 {https://en.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_Tr%C3%A0_Mountain}



Son Tra Peninsula, Republic of Vietnam
 {https://en.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_Tr%C3%A0_Mountain}

Bộ-Tư-Lệnh Vùng I Duyên-Hải đặt tại Tiên-Sa, Đà-Nẵng.

The Headquarters of Coastal Zone I was located at Tiên Sa, Đà Nẵng.



Tiên Sa, Đà Nẵng, Việt Nam Cộng Hòa
 {https://en.wikipedia.org/wiki/Naval_Support_Activity_Danang}



Tiên Sa, Đà Nẵng , Republic of Vietnam Navy
 {https://en.wikipedia.org/wiki/Naval_Support_Activity_Danang}

Thành phần cơ hữu gồm những đơn vị sau đây:

- Hải-Đội I Duyên-Phòng.
- Giang-Đoàn 32 Xung-Phong tại Huế.
- Giang-Đoàn 92 Trục-Lôi tại Thuận-An.
- Giang-Đoàn 60 Tuần-Thám tại Thuận-An.
- Duyên-Đoàn 11 tại Cửa-Việt.
- Duyên-Đoàn 12 tại Thuận-An.

The striking forces consisted of the following units:

- Coastal Patrol Group I.
- River Assault Group 32 stationed in Huế.
- River Minesweeping Group 92 at Thuận An.
- River Patrol Group 60 at Thuận An.
- Coastal Group 11 at Cửa Việt.
- Coastal Group 12 at Thuận An.

- Duyên-Đoàn 13 tại cửa Tư-Hiền.
- Duyên-Đoàn 14 tại Hội-An.
- Duyên-Đoàn 15 tại Chu-Lai.
- Duyên-Đoàn 16 tại Quảng-Ngãi.
- 4 đài kiểm-bảo: 101 tại núi La-Ngữ, Huế; 102 ở Sơn-Chà; 103 ở Cù Lao Ré; 104 ở Sa-Huỳnh.
- Nhiều Căn Cứ và Tiền-Doanh Yểm-Trợ.

- Coastal Group 13 at Tư Hiền inlet.
- Coastal Group 14 at Hội An.
- Coastal Group 15 at Chu Lai.
- Coastal Group 16 at Quảng Ngãi.
- (4) Early-warning/Surveillance stations: 101 at La Ngữ Mountain, Huế; 102 at Sơn Chà; 103 at Cù Lao Ré; 104 at Sa Huỳnh
- Numerous bases and forward support installations.



Đài Kiểm Bảo, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {<https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/>}



Early-warning/Surveillance station, Republic of Vietnam Navy {<https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/>}



Cù Lao Ré, Việt Nam Cộng Hòa https://reinburg.net/cu-lao-re-a-story-of-the-coast-guard-in-vietnam-by-capt-leroy-reinburg-jr/	Cù Lao Ré, Republic of Vietnam https://reinburg.net/cu-lao-re-a-story-of-the-coast-guard-in-vietnam-by-capt-leroy-reinburg-jr/
	
Cù Lao Ré, Việt Nam Cộng Hòa https://en.wikipedia.org/wiki/C%C3%B9_Lao_R%C3%A9_volcanic_islands	Cù Lao Ré, Republic of Vietnam https://en.wikipedia.org/wiki/C%C3%B9_Lao_R%C3%A9_volcanic_islands
Ngoài ra, vùng I Duyên-Hải còn có nhiều chiến hạm biệt phái.	Additionally, Coastal Zone I also had many detached warships.
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Vùng Duyên-Hải và sông rạch các tỉnh Quang-Trị, Thừa-Thiên, Đà-Nẵng và Quảng-Ngãi.	Area of Operations The coastal waters and rivers/canals of the provinces of Quảng Trị, Thừa Thiên, Đà Nẵng, and Quảng Ngãi.
Tư-Lệnh cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại.	The last Commander: Commodore Hồ Văn Kỳ Thoại.



1973 Phó Đề-Đốc HỒ VĂN KỲ THOẠI

Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (1933-2022),
Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

Khóa 4 (02/1954 – 12/1954), Đề Nhất Bắc
Giải, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha
Trang



1973 Phó Đề-Đốc HỒ VĂN KỲ THOẠI

Commodore Hồ Văn Kỳ Thoại (1933-2022),
Republic of Vietnam Navy

Class 4 (02/1954 – 12/1954), First Cancer,
Nha Trang Naval Training Center

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha
Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{

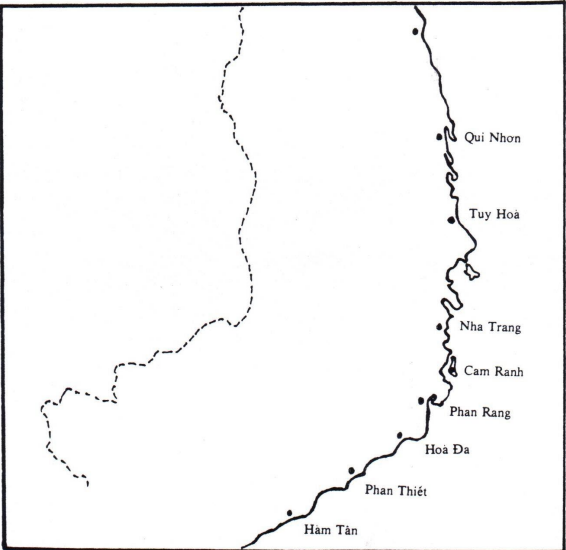
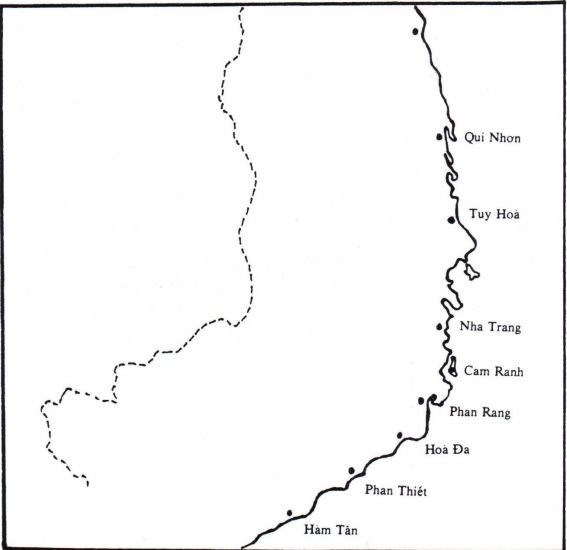
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



Nha Trang Naval Training Center, Republic
of Vietnam Navy

{

62}	62}
-----	-----

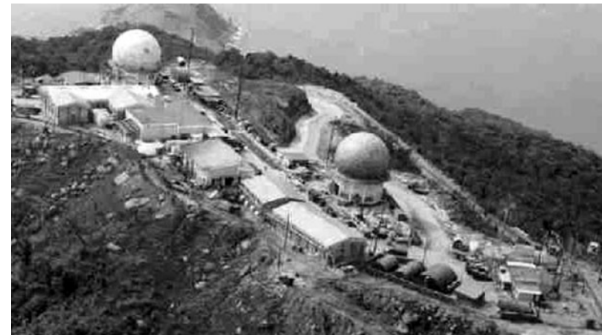
VÙNG II DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE II	COASTAL ZONE II
 Lãnh thổ vùng II Duyên Hải	 Lãnh thổ vùng II Duyên Hải Coastal Zone II
Tổ Chức - Organization Bộ-Tư-Lệnh Vùng II Duyên-Hải gồm Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Headquarters of Coastal Zone II consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng II Duyên-Hải đặt tại Cam Ranh và gồm các đơn vị sau đây: ▪ Hải-Đội II Duyên-Phòng đóng tại Qui-Nhon. ▪ Duyên-Đoàn 21 tại Qui-Nhon. ▪ Duyên-Đoàn 22 tại Poulo Gambir. ▪ Duyên-Đoàn 23 tại Sông-Cầu. ▪ Duyên-Đoàn 24 tại Tuy-Hòa. ▪ Duyên-Đoàn 25 tại Hòn-Khói. ▪ Duyên-Đoàn 26 tại Bình-Ba. ▪ Duyên-Đoàn 27 tại Phan-Rang. ▪ Duyên-Đoàn 28 tại Phan-Thiết. ▪ Các Căn-Cứ Yểm-Trợ. ▪ Nhiều Đài-Kiểm-Bảo. ▪ Một số chiến hạm biệt phái.	The Headquarters of Coastal Zone II was located at Cam Ranh and consisted of the following units: ▪ Coastal Patrol Squadron II, stationed at Qui Nhon. ▪ Coastal Group 21, at Qui Nhon. ▪ Coastal Group 22, at Poulo Gambir. ▪ Coastal Group 23, at Sông Cầu. ▪ Coastal Group 24, at Tuy Hòa. ▪ Coastal Group 25, at Hòn Khói. ▪ Coastal Group 26, at Bình Ba. ▪ Coastal Group 27, at Phan Rang. ▪ Coastal Group 28, at Phan Thiết. ▪ Various Support Bases. ▪ Numerous Early-warning/Surveillance stations. ▪ Several detached warships assigned on temporary duty.



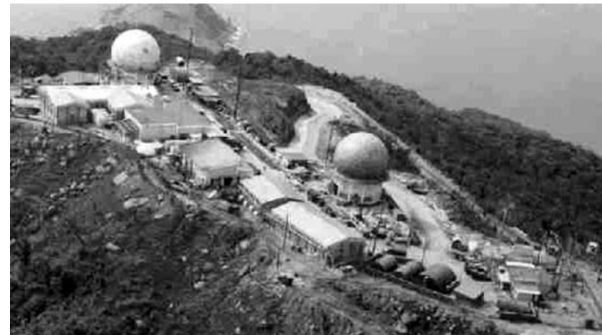
Căn Cứ Cam Ranh, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
[{https://pcf45.com/cam_ranh/camranh.html}](https://pcf45.com/cam_ranh/camranh.html)



Cam Ranh Naval Base, Republic of Vietnam Navy
[{https://pcf45.com/cam_ranh/camranh.html}](https://pcf45.com/cam_ranh/camranh.html)



Đài Kiểm Báo, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
[{https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/}](https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/)



Early-warning/Surveillance station, Republic of Vietnam Navy
[{https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/}](https://cherrieswriter.com/2016/11/15/a-vietnam-experience-life-on-a-radar-site-guest-blog/)

Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations
 Vùng II Duyên-Hải trách nhiệm vùng duyên hải thuộc các tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa, Cam-Ranh, Phan-Rang và Phan-Thiết.

Area of Operations
 Coastal Zone II was responsible for the coastal areas belonging to the provinces of Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Cam Ranh, Phan Rang, and Phan Thiết.

Tư-Lệnh cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Hoàng Cơ Minh.

The last Commander: Commodore Hoang Co Minh.



Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh (1935-1987),
Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa

Khóa 5 (7/1954 – 5/1955), Đệ Nhất Hải Sư,
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang



Commodore Hoàng Cơ Minh (1935-1987),
Republic of Vietnam Navy

Class 5 (7/1954 – 5/1955), First Lion, Nha
Trang Naval Training Center



Các SQHQ khoá 5 mặc quân-phục đại-lễ tại Kỳ-Đài TTHLHQ/NT,
Một Sĩ-Quan mặc tiểu-lễ sọc đứng giữa.

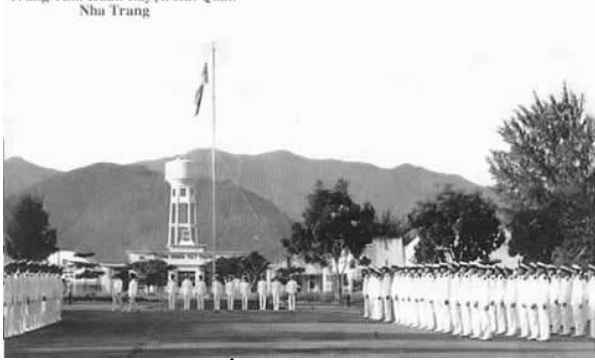
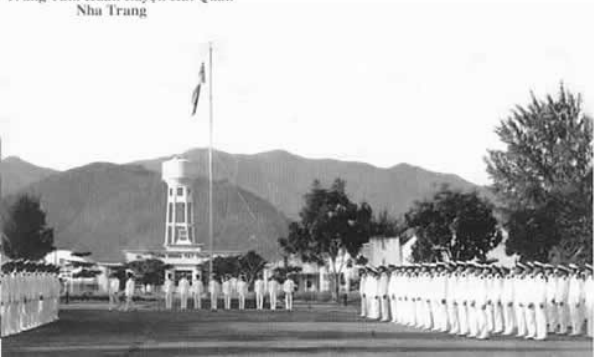
{Hải Sư/Lược Sư Hải Quân Việt Nam Cộng
Hòa, trang 506, a Republic of Vietnam Navy
Publication (2012)}

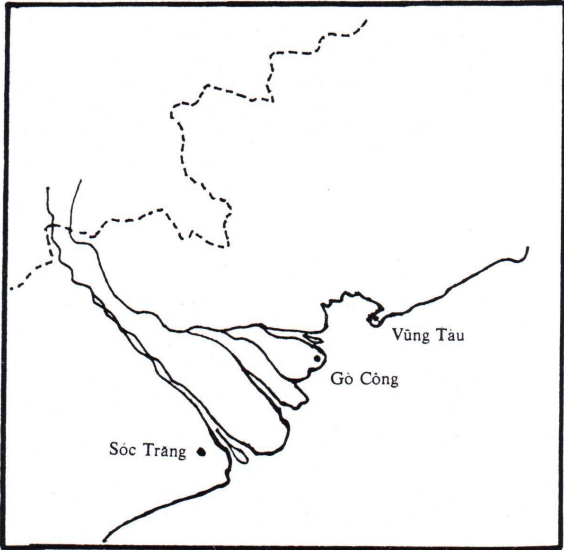
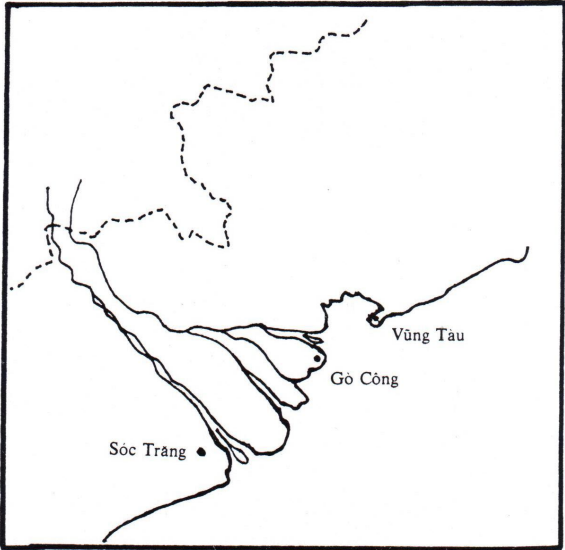


Các SQHQ khoá 5 mặc quân-phục đại-lễ tại Kỳ-Đài TTHLHQ/NT,
Một Sĩ-Quan mặc tiểu-lễ sọc đứng giữa.

The Naval Officer Cadets of Class 5 (7/1954
– 5/1955), First Leo, wear their full
ceremonial naval uniforms at the flagpole of
the Nha Trang Naval Training Center,
Republic of Vietnam Navy. A Naval Officer
Cadet in a striped semi-ceremonial dress
uniform stands in the middle

{Naval History/A Brief History of the
Republic of Vietnam Navy, page 506, a

	Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang  Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang  Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}

VÙNG III DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE III	COASTAL ZONE III
 Vùng III Duyên Hải	 Vùng III Duyên Hải Coastal Zone III
Tổ Chức - Organization Bộ-Tư-Lệnh Vùng III Duyên-Hải gồm Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Headquarters of Coastal Zone III consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng III Duyên-Hải đóng tại Cát-Lở và gồm những đơn vị sau đây: ▪ Hải-Đội III Duyên-Phòng, đóng tại Cát-Lở. ▪ Duyên-Đoàn 33 tại Rạch-Dừa. ▪ Duyên-Đoàn 34 tại Bến-Tre. ▪ Duyên-Đoàn 35 tại Trà-Vinh. ▪ Căn-Cứ Yểm-Trợ Cát-Lở. ▪ Bệnh xá Vũng Tàu. ▪ Các đài kiểm báo: 301 ở Dakoo, Bình-Tuy; 302 ở Núi Lớn; 304 đặt trên một chiến hạm, neo ngoài khơi Ba-Động. ▪ Nhiều chiến hạm biệt phái.	The Headquarters of Coastal Zone III was based at Cát Lở and consisted of the following units: ▪ Coastal Patrol Squadron III, stationed at Cát Lở. ▪ Coastal Group 33, at Rạch Dừa. ▪ Coastal Group 34, at Bến Tre. ▪ Coastal Group 35, at Trà Vinh. ▪ Cát Lở Support Base. ▪ Vũng Tàu Naval Clinic. ▪ Early-warning/Surveillance stations: Station 301 at Dakoo, Bình Tuy; Station 302 at Núi Lớn; Station 304, installed on a warship anchored offshore at Ba Động. ▪ Numerous detached warships assigned on temporary duty.



Căn Cự Cát Lở, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/Cat_Lo_Naval_Base}



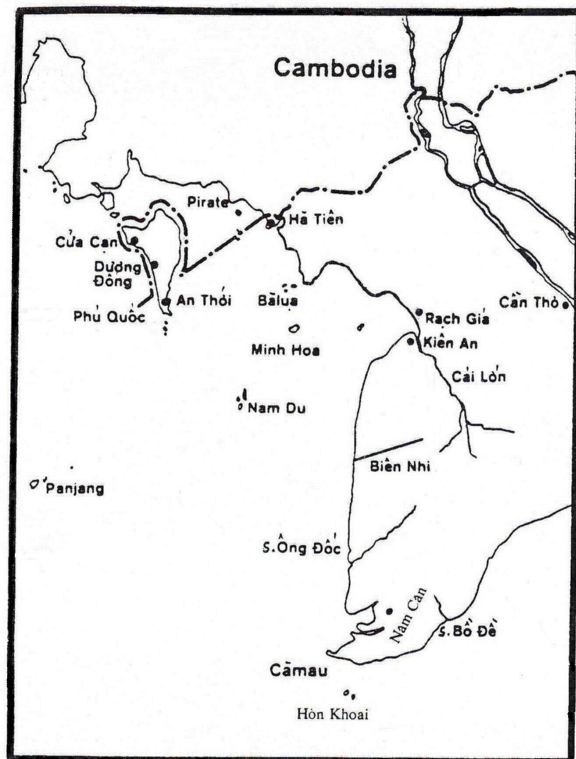
Cát Lở Naval Base, Republic of Vietnam Navy
{https://en.wikipedia.org/wiki/Cat_Lo_Naval_Base}



Căn Cứ Cát Lở, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {https://en.wikipedia.org/wiki/Cat_Lo_Naval_Base}	Cát Lở Naval Base, Republic of Vietnam Navy {https://en.wikipedia.org/wiki/Cat_Lo_Naval_Base}
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Miền Duyên-Hải thuộc các tỉnh Phước-Tuy, Gò-Công và Kiến-Hòa.	Area of Operations Coastal Zone III covered the coastal areas of the provinces of Phước Tuy, Gò Công, and Kiến Hòa.
Tư-Lệnh cuối cùng: Phó-Đề-Đốc Vũ Đình Đào.	The last Commander: Commodore Vũ Đình Đào
 Phó Đề Đốc Vũ Đình Đào (1931-2020), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {daubinhlua.blogspot.com}	 Commodore Vũ Đình Đào (1931-2020), Republic of Vietnam Navy {daubinhlua.blogspot.com}
Khóa 3 (7/1953 – 01/1954), Đệ Nhất Song Nam, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang	Class 3 (7/1953 – 01/1954), First Gemini, Nha Trang Naval Training Center
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang 	Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang 

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}
--	--

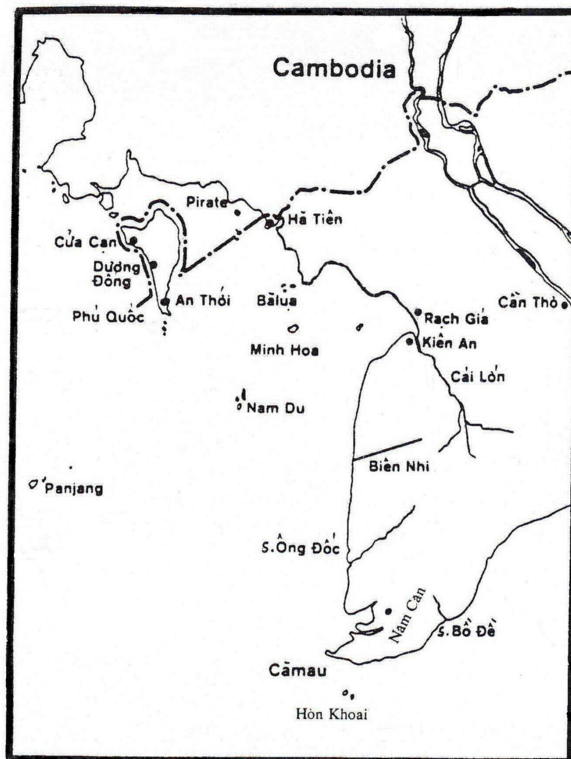
VÙNG IV DUYÊN HẢI - COASTAL ZONE IV



Lãnh thổ vùng IV và vùng V Duyên Hải

Vùng IV Duyên Hải

COASTAL ZONE IV



Lãnh thổ vùng IV và vùng V Duyên Hải

Coastal Zone IV



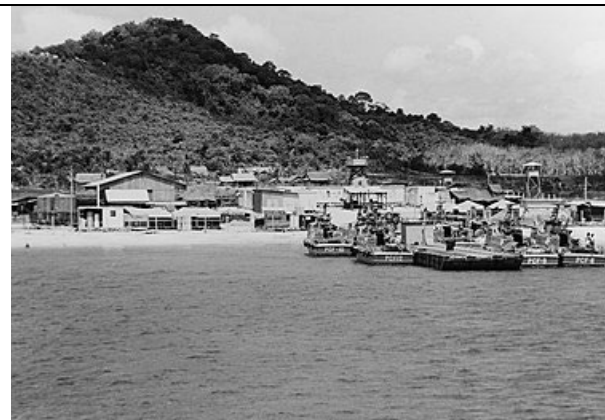
Huy hiệu Vùng IV Duyên Hải
{https://nguyentn.tripod.com/dt_nguyenvanthien_hq.htm}



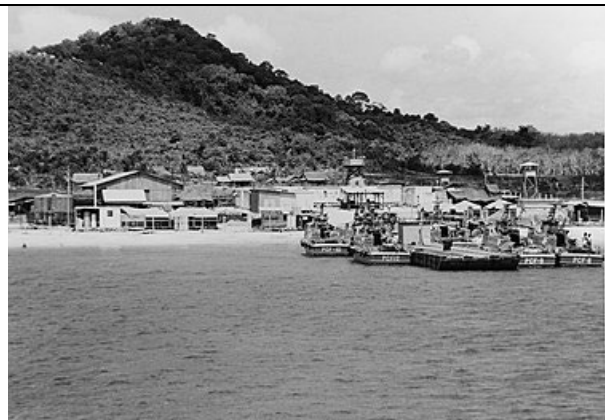
Coastal Zone IV, Republic of Vietnam Navy
{https://nguyentn.tripod.com/dt_nguyenvanthien_hq.htm}

Tổ Chức – Organization Bộ-Tư-Lệnh Vùng IV Duyên-Hải gồm Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Coastal Zone IV Headquarters consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tư-Lệnh Hải-Quân Vùng IV Duyên-Hải được đặt tại Phú-Quốc và gồm những đơn vị sau đây: ▪ Hải-Đội IV Duyên-Phòng đóng tại An-Thới. ▪ Duyên-Đoàn 42 tại Hòn Nam-Du. ▪ Duyên-Đoàn 43 tại Sông Ông Đốc, Cà-Mau. ▪ Duyên-Đoàn 44 tại Kiên-An, Rạch-Giá; trách nhiệm vùng U-Minh-Thượng, cửa sông Cái-Lớn và Cái-Bé. ▪ Duyên-Đoàn 45 tại Bắc-Đảo, Hà-Tiên. ▪ Căn-Cứ Yểm-Trợ và Tiếp-Vận. ▪ Nhiều đài kiểm báo.	The Headquarters of Coastal Zone IV was located at Phú Quốc and comprised the following units: ▪ Coastal Defense Squadron IV, stationed at An Thới. ▪ Coastal Group 42 at Hòn Nam-Du. ▪ Coastal Group 43 at Sông Ông Đốc, Cà Mau. ▪ Coastal Group 44 at Kiên An, Rạch Giá; responsible for the Upper U-Minh area, the mouths of the Cái Lớn and Cái Bé rivers. ▪ Coastal Group 45 at Bắc Đảo, Hà Tiên. ▪ Support and Logistics Base. ▪ Numerous Early-warning/Surveillance stations.

 An Thoi Naval Base	 An Thoi Naval Base
Căn Cự An Thới, An Thới, Phú Quốc, Việt Nam Cộng Hòa { https://en.wikipedia.org/wiki/An_Thoi_Naval_Base }	An Thới Naval Base, An Thới, Phú Quốc, Republic of Vietnam { https://en.wikipedia.org/wiki/An_Thoi_Naval_Base }



Căn Cự An Thới, An Thới, Phú Quốc, Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/An_Thoi_Naval_Base}



An Thoi Naval Base, An Thoi, Phú Quốc, Republic of Vietnam
{https://en.wikipedia.org/wiki/An_Thoi_Naval_Base}

Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations
Từ mũi Cà-Mau đến biên giới Miên Việt, trong vịnh Thái-Lan.

Area of Operations
From Cape Cà Mau to the Cambodia–Vietnam border, within the Gulf of Thailand.

Tư-Lệnh cuối cùng: Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn Văn Thiện.

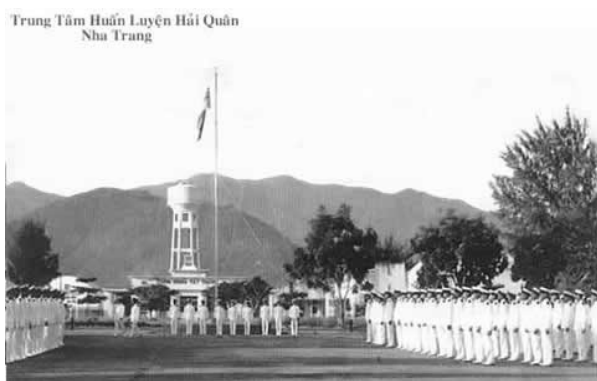
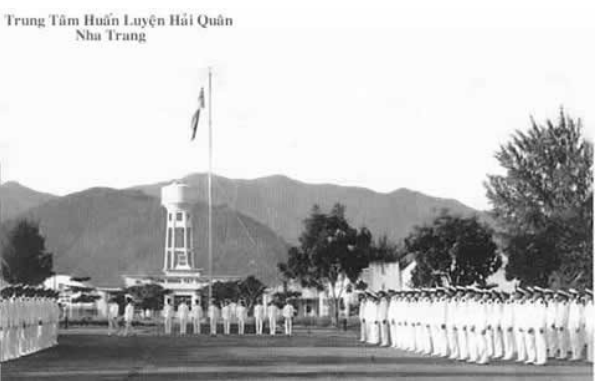
The last Commander: Navy Captain Nguyễn Văn Thiện.



Navy Captain Nguyễn Văn Thiện (1936-?), Republic of Vietnam Navy
{https://nguyentn.tripod.com/dt_nguyenvanth}



Navy Captain Nguyễn Văn Thiện (1936-?), Republic of Vietnam Navy
{https://nguyentn.tripod.com/dt_nguyenvanth}

ien_hq.htm}  Khóa 7 (01/1956 – 7/1957), Đệ Nhất Thiên Xứng, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang	ien_hq.htm}  Class 7 (01/1956 – 7/1957), First Libra, Nha Trang Naval Training Center
Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang  Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang  Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}

VÙNG V DUYÊN-HẢI - COASTAL ZONE V	COASTAL ZONE V
Tổ Chức - Organization Bộ-Tu-Lệnh Vùng V Duyên-Hải gồm Tư-Lệnh, Tư-Lệnh-Phó và Tham-Mưu-Trưởng.	Organization The Coastal Zone V Headquarters consisted of a Commander, a Deputy Commander, and a Chief of Staff.
Bộ-Tu-Lệnh Vùng V Duyên-Hải đặt tại Năm-Căn thuộc tỉnh An-Xuyên.	The Coastal Zone V Headquarters was located at Năm Căn, in An Xuyên Province.
 Nam Can Naval Base {https://en.wikipedia.org/wiki/Nam_Can_Naval_Base}	 Nam Can Naval Base {https://en.wikipedia.org/wiki/Nam_Can_Naval_Base}
Lực-Lượng cơ hữu Hải-Quân Vùng V Duyên-Hải gồm có:	The striking forces of Coastal Zone V consisted of:

▪ Hải-Đội V Duyên-Phòng. ▪ Giang-Đoàn 43 Ngăn-Chặn. ▪ Giang-Đoàn 53 Tuần-Thám. ▪ Duyên-Đoàn 36 tại cửa Định-An. ▪ Duyên-Đoàn 41 tại Paulo Obi. ▪ Đài kiểm báo 401 đặt trên núi Paulo Obi. ▪ Căn-Cứ Hải-Quân. ▪ Tiền-Doanh Yểm-Trợ. ▪ Nhiều chiến hạm biệt phái.	▪ Coastal Defense Squadron V ▪ Riverine Interdiction Group 43 ▪ Riverine Patrol Group 53 ▪ Coastal Group 36 at Định An inlet ▪ Coastal Group 41 at Paulo Obi ▪ Early-warning/Surveillance station 401, located on Paulo Obi Mountain ▪ Naval Base ▪ Forward Support Detachment ▪ Numerous detached warships assigned on temporary duty
 Hòn Khoai (Paulo Obi), Việt Nam Cộng Hòa {https://vovworld.vn/discovery-vietnam/hon-khoai-islet-a-gem-in-the-southwest-sea-1127100.vov5}	 Paulo Obi, Republic of Vietnam {https://vovworld.vn/discovery-vietnam/hon-khoai-islet-a-gem-in-the-southwest-sea-1127100.vov5}
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Vùng V Duyên-Hải trách nhiệm miền Duyên-Hải của các tỉnh Ba-Xuyên, Bạc-Liêu, An-Xuyên (Cà-Mau), một phần duyên hải của tỉnh Kiên-Giang (Rạch-Giá) và các đảo Paulo Obi, Fais Obi, v.v...	Area of Operations Coastal Zone V was responsible for the coastal areas of the provinces Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên (Cà Mau), part of the coastline of Kiên Giang Province (Rạch Giá), and the islands Paulo Obi, Fais Obi, etc.
Ngoài ra, Giang-Đoàn 43 Ngăn-Chặn và Giang-Đoàn 53 Tuần-Thám chịu trách nhiệm sông Năm-Căn – giới hạn từ cửa Bô-Đề đến cửa Bảy-Hạp – sông Đồng-Cùng và Chi-Khu Năm-Căn.	In addition, Riverine Interdiction Group 43 and Riverine Patrol Group 53 were responsible for the Năm Căn River — covering the stretch from Bô-Đề inlet to Bảy-Hạp inlet — as well as the Đồng Cùng River and the Năm Căn Subsector.
Tư-Lệnh cuối cùng: Hải-Quân Đại-Tá Nguyễn Văn May.	The last Commander: Navy Captain Nguyễn Văn May



Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn May (?-?), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa



Navy Captain Nguyễn Văn May (?-?). Republic of Vietnam Navy

Khóa 5 (7/1954 – 5/1955), Đệ Nhất Hải Sư, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang

Class 5 (7/1954 – 5/1955), First Lion, Nha Trang Naval Training Center



Các SQHQ khóa 5 mặc quân-phục đại-lễ tại Kỳ-Đài TTHLHQ/NT, Một Sĩ-Quan mặc tiểu-lễ sọc đứng giữa.

{Hải Sư/Lược Sư Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 506, a Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



Các SQHQ khóa 5 mặc quân-phục đại-lễ tại Kỳ-Đài TTHLHQ/NT, Một Sĩ-Quan mặc tiểu-lễ sọc đứng giữa.

The Naval Officer Cadets of Class 5 (7/1954 – 5/1955), First Leo, wear their full ceremonial naval uniforms at the flagpole of the Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy. A Naval Officer Cadet in a striped semi-ceremonial dress uniform stands in the middle

{Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, page 506, a Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha
Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=62>}

Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân
Nha Trang



Nha Trang Naval Training Center, Republic
of Vietnam Navy
{<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=62>}

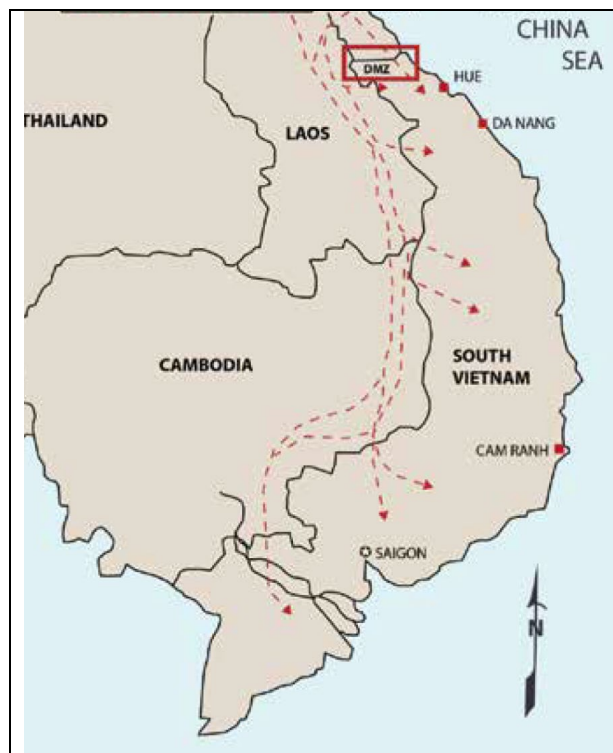
LỰC-LƯỢNG HẢI-THUYỀN – COASTAL FORCE	COASTAL FORCE
	
Thành Lập - Establishment Khởi thủy, Lực-Lượng Hải-Thuyền là một Lực-Lượng bán quân sự, do sĩ quan Hải-Quân tuyển mộ, huấn luyện và chỉ huy. Thời gian huấn luyện là 3 tháng.	Establishment Initially, the Coastal Force was a paramilitary organization recruited, trained, and commanded by Navy officers. The training period lasted 3 months.
Khi mới thành lập, mỗi đơn vị của Lực-Lượng Hải-Thuyền được gọi là Đội Hải-Thuyền và đoàn viên đều xăm trên ngực hai chữ “Sát Cộng”.	When first established, each unit of the Coastal Force was called a “Junk Group,” and its members tattooed the words “Kill Communists” on their chests.
Tổ Chức - Organization Trung-Tâm Huấn-Luyện Hải-Thuyền đặt ở Phú-Quốc; đến tháng 2 năm 1963 được dời về Cam-Ranh.	Organization The Training Center was located in Phú Quốc; it was relocated to Cam Ranh in February 1963.



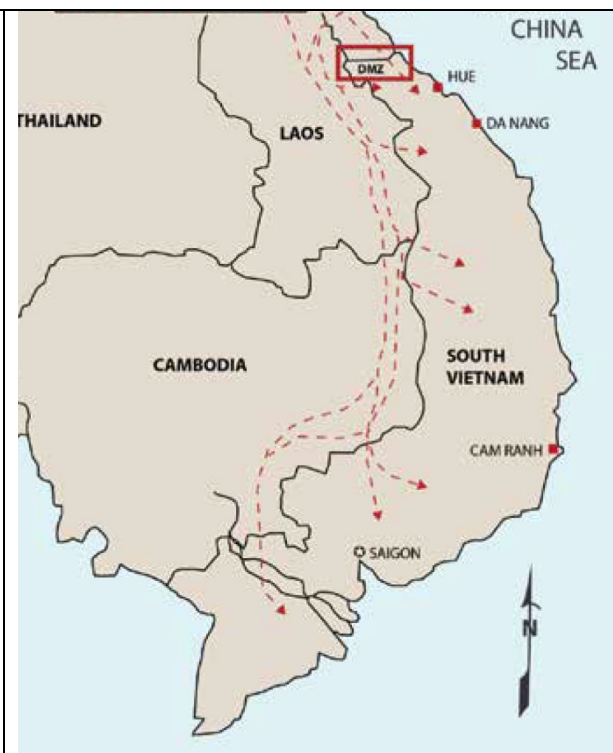
Phú Quốc, Việt Nam Cộng Hòa
{https://en.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Qu%E1%BB%91c}



Phú Quốc, Republic of Vietnam
{https://en.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Qu%E1%BB%91c}



Cam Ranh, Việt Nam Cộng Hòa
{<https://www.usmcu.edu/Outreach/Marine-Corps-University-Press/MCH/Marine-Corps-History-Winter-2018/Planning-for-War-The-Marine-Corps-in-Contingency-Planning-for-Indochina-and-South-Vietnam-1951-65/>}



Cam Ranh, Republic of Vietnam
{<https://www.usmcu.edu/Outreach/Marine-Corps-University-Press/MCH/Marine-Corps-History-Winter-2018/Planning-for-War-The-Marine-Corps-in-Contingency-Planning-for-Indochina-and-South-Vietnam-1951-65/>}

Thành Phần - Composition Mỗi Đội Hải-Thuyền được một Thiếu-Úy hoặc Trung-Úy chỉ huy và gồm có: ▪ 3 ghe Chủ-Lực – mỗi ghe Chủ-Lực được trang bị 1 đại liên 50 trước mũi, 1 đại liên 30 sau lái và nhiều súng cá nhân. ▪ 3 ghe Di-Cur – mỗi ghe Di-Cur được trang bị 2 đại liên 30 và nhiều súng cá nhân. ▪ 20 ghe buồm – chỉ được trang bị súng cá nhân. ▪ Ghe Yabuta được trang bị 2 đại bác 20 ly bên hông. Y phục của đoàn viên là bà ba đen.	Composition Each Junk Group was commanded by a Second Lieutenant or a First Lieutenant and consisted of: ▪ 3 Command Junks — each Command Junk was equipped with one .50-caliber heavy machine gun at the bow, one .30-caliber machine gun at the stern, and various personal weapons. ▪ 3 Refugee-Transport Junks — each Refugee-Transport Junk was equipped with two .30-caliber machine guns and various personal weapons. ▪ 20 Sailing Junks — equipped only with personal weapons. ▪ 1 Yabuta junk, equipped with two 20-mm cannons mounted on the sides. The personnel wore black pajamas.
 Ghe Chủ Lực, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, 2012}	 Command Junk, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}



(2) ghe buồm, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {John Darrell Sherwood, “War In The Shallows: U.S. Navy Coastal and Riverine Warfare in Vietnam (1965-1968)”, Naval History and Heritage Command, Department of the Navy, Washington, D.C., USA, trang 14}



(2) sailing junks, Republic of Vietnam Navy {John Darrell Sherwood, “War In The Shallows: U.S. Navy Coastal and Riverine Warfare in Vietnam (1965-1968)”, Naval History and Heritage Command, Department of the Navy, Washington, D.C., USA, page 14}



Ghe Yabuta, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {John Darrell Sherwood, “War In The Shallows: U.S. Navy Coastal and Riverine Warfare in Vietnam (1965-1968)”, Naval History and Heritage Command, Department of the Navy, Washington, D.C., USA, trang 49}



Yabuta junk, Republic of Vietnam Navy {John Darrell Sherwood, “War In The Shallows: U.S. Navy Coastal and Riverine Warfare in Vietnam (1965-1968)”, Naval History and Heritage Command, Department of the Navy, Washington, D.C., USA, page 49}

Nhiệm Vụ - Mission Tuần tiễu, kiểm soát và ngăn chặn sự xâm nhập và trà trộn của Việt Cộng vào những làng ven biển.	Mission Patrol, control, and prevent the infiltration and blending of Viet Cong into coastal villages.
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Dọc theo miền duyên hải Nam Việt Nam.	Area of Operations Along the coastal region of South Vietnam.
Sau khi được sát nhập vào Hải Quân, danh xưng Đội Hải Thuyền được đổi thành Duyên Đoàn và đoàn viên mặc quân phục Hải Quân.	After being integrated into the Navy, the designation “Junk Group” was changed to “Coastal Group,” and the personnel wore Navy uniforms.
Cấp số của mỗi Duyên-Đoàn là Thiếu-Tá.	The commanding rank for each Coastal Group was Navy Lieutenant Commander.

LIÊN-ĐOÀN NGƯỜI NHÁI – FROGMAN BRIGADE	FROGMAN BRIGADE
	
Thành Lập - Establishment Liên Đội Người Nhái được thành lập năm 1961, gồm toàn quân nhân tình nguyện.	Establishment The Frogman Group was established in 1961 and consisted entirely of volunteer military personnel.
Ngay sau khi được thành lập, 12 nhân viên tốt nghiệp khóa Biệt-Hải U.D.T. (Underwater Demolition Team) tại Đài-Loan huấn luyện lại cho Người Nhái Hải-Quân.	Immediately after its formation, 12 personnel who had graduated from the Sea Commando U.D.T. (Underwater Demolition Team) course in Taiwan provided further training to the Navy Frogmen.
Tổ Chức - Organization Bộ-Chỉ-Huy Liên-Đoàn Người Nhái trước đặt tại Ty Quân-Cảng, trong Hải-Quân Công-Xưởng; sau dời về Căn-Cứ Hải-Quân Cát-Lái, đặt dưới sự chỉ huy của Lực-Lượng Đặc-Nhiệm Trung-Uơng 214.	Organization The Headquarters of the Frogman Group was initially located at the Naval Port Office within the Saigon Naval Shipyard; it was later relocated to the Cát Lái Naval Base and placed under the command of Central Task Force 214.
Trước năm 1968, Liên Đoàn Người Nhái chỉ phụ trách những công tác thám sát hành quân, đổ bộ, lặn và vớt tàu.	Before 1968, the Frogman Group was only responsible for combat reconnaissance, amphibious landings, diving, and ship salvage operations.
Từ năm 1968 trở về sau, khả năng Người Nhái Hải Quân Việt Nam được tận dụng đúng mức khi Liên Đoàn Người Nhái bắt đầu biệt phái nhân viên cho các toán Người Nhái Mỹ – SEAL (SEa, Air, and Land) team – khắp 4	From 1968 onwards, the capabilities of the Republic of Vietnam Navy Frogmen were properly utilized when the Frogman Group began assigning personnel to American NAVY SEAL (SEa, Air, and Land) teams

vùng chiến thuật và cho cả chiến dịch Phụng Hoàng.	across all four tactical zones and also to the Phoenix Program.
Năm 1971, một số sĩ quan trẻ, xuất thân từ Trường sĩ quan Bộ-Binh Thủ-Đức tình nguyện gia nhập và được huấn luyện theo những khóa Hải-Kích Người Nhái Việt-Nam.	In 1971, some young officers who graduated from the Thủ Đức Infantry Officer School volunteered to join and were trained in the Republic of Vietnam Navy's SEAL (SEa, Air, and Land) courses.
Năm 1972, quân số Người Nhái từ 80 tăng lên 600. Liên-Đội Người Nhái trở thành Liên-Đoàn Người Nhái và gồm có: ▪ Hải-Kích (SEAL – SEa, Air, and Land) ▪ Biệt-Hải (UDT – Underwater Demolition Team) ▪ Tháo gỡ đạn dược (EOD – Explosive Ordnance Disposal) ▪ Trục Vớt (vớt tàu) ▪ Phòng thủ hải cảng ▪ Giang-Đoàn yểm trợ Hải-Kích (chuyên chở hành quân) ▪ Toán yểm trợ tiếp vận	In 1972, the number of Frogmen increased from 80 to 600. The Frogman Group became the Frogman Brigade and consisted of: ▪ Sea Commando SEALs (SEAL – SEa, Air, and Land) ▪ Special Forces/Underwater Demolition Teams (UDT – Underwater Demolition Team) ▪ Explosive Ordnance Disposal (EOD – Explosive Ordnance Disposal) ▪ Salvage (ship salvage/recovery) ▪ Harbor defense ▪ Riverine support unit for SEALs (specialized in troop transport operations) ▪ Logistics support team
Nhiệm Vụ - Mission Xâm nhập vùng đất địch, chống đặc công thủy Việt-Cộng, vớt tàu, cứu tù binh, v.v...	Mission Infiltrate enemy-held territory, counter Viet Cong naval commandos, salvage ships, rescue prisoners of war, etc.
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Người Nhái có thể hoạt động trong sông lẫn ngoài biển.	Area of Operations The Frogmen could operate both in rivers and at sea.
Bất cứ lúc nào Liên-Đoàn Người Nhái cũng có từ 15 đến 20 toán thuộc các ngành để biệt phái khắp nơi.	At any given time, the Frogman Brigade always had between 15 and 20 teams from various specialties available for assignment and deployment anywhere.
Khóa Người Nhái cuối cùng là Khóa 8.	The last Frogman training course was Course 8.
Chỉ-Huy-Trưởng cuối cùng: Hải-Quân Trung-Tá Trịnh Hòa Hiệp.	The last Commander: Navy Commander Trịnh Hòa Hiệp.



Hải Quân Trung Tá Trịnh Hòa Hiệp (?-?), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa



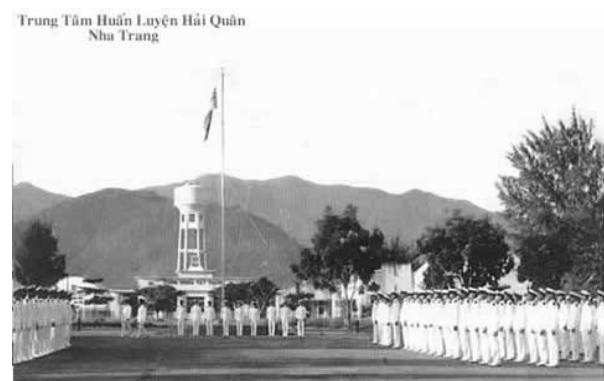
Navy Commander Trịnh Hòa Hiệp (?-?), Republic of Vietnam Navy



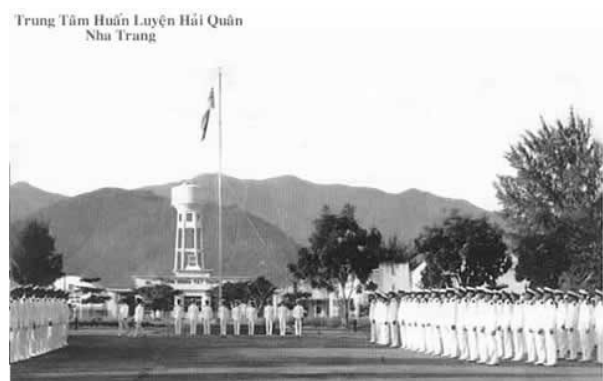
Khóa 7 (01/1956 – 7/1957), Đệ Nhất Thiên Xứng, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang



Class 7 (01/1956 – 7/1957), First Libra, Nha Trang Naval Training Center



Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa
<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=>



Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy
<http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstdid=>

62}	62}
-----	-----

BIỆT-HẢI - Thuộc Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải {SEA COMMANDO - Attached To The Coastal Defense Directorate}	SEA COMMANDO - Attached To The Coastal Defense Directorate
	
Tổ Chức - Organization Biệt Hải được chia ra 3 nhóm: Vega, Lucky và Romulus. Cả ba nhóm đều sống trong các trại dọc theo bãi biển từ Mỹ-Kê đến Chùa Non-Nước. Trại nọ cách trại kia khoảng một cây số. Trước mặt trại là biển và sau lưng là rừng dương liễu.	Organization The Sea Commandos were divided into three groups: Vega, Lucky, and Romulus. All three groups lived in camps along the beach from Mỹ-Kê to Non-Nước Pagoda. Each camp was approximately one kilometer apart. In front of the camps was the East Sea (Biển Đông) or the South China Sea (Biển Nam Hải), and behind them was a forest of casuarina (willow-pine) trees.
 Mỹ-Kê Beach, Đà Nẵng, Việt Nam Cộng Hòa {https://vinpearl.com/en/my-khe-beach}	 Mỹ-Kê Beach, Đà Nẵng, Republic of Vietnam {https://vinpearl.com/en/my-khe-beach}



Chùa Non-Nước, Đà Nẵng, Việt Nam Cộng Hòa {<https://vinpearl.com/en/non-nuoc-pagoda-da-nang>}

Mỗi trại đều có dân sự chiến đấu lo canh gác và vấn đề ẩm thực. Biệt-Hải chỉ lo tập và thi hành công tác cho đến khi giải nhiệm hoặc tự ý xin rút lui.



Non-Nước Pagoda, Đà Nẵng, Republic of Vietnam {<https://vinpearl.com/en/non-nuoc-pagoda-da-nang>}

Each camp had civilian combatants responsible for guard duty and food/cooking matters. The Sea Commandos themselves only focused on training and carrying out missions until they were discharged or voluntarily requested to withdraw.

Tuyển Mộ - Recruitment Muốn trở thành một Biệt-Hải, học viên phải hội đủ những điều kiện: • Thể chất khỏe mạnh, cường tráng; • Tinh thần can đảm, tự tin, kín đáo; • Phản ứng bén nhạy để xoay trở khi lâm nạn và • Có sức chịu đựng phi thường.	Recruitment To become a Sea Commando, a candidate had to meet the following strict requirements: • Physically robust in health and strength • Mentally brave, confident, and discreet • Quick reflexes to adapt when in danger • Extraordinary endurance
Huấn Luyện - Training ▪ <i>Khóa I Biệt-Hải</i> Tháng 10 năm 1962, khóa Biệt-Hải đầu tiên tại Việt-Nam do Người Nhái Mỹ (U.S. Navy SEALs) và một số Biệt-Hải Việt-Nam tốt nghiệp tại Đài-Loan huấn luyện. Khóa này có một sĩ-quan duy nhất – Hải-Quân Trung-Úy Trịnh Hòa Hiệp, xuất thân khóa 7 Hải-Quân Nha Trang – và một số hạ sĩ quan Hải Quân, còn hầu hết là nhân viên Hải Thuyền. Khóa này ra trường vào tháng 1 năm 1963 rồi xin chuyển sang Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải, chuyên thi hành công tác xâm nhập miền Bắc, từ bắc vĩ tuyến 17. ▪ <i>Khóa II Biệt-Hải</i> Cũng được tổ chức tương tự như khóa I. Hải-Quân Thiếu-Úy Phan Tấn Hưng, xuất thân khóa 9 Hải-Quân Nha Trang, là sĩ-quan thứ hai theo thụ huấn.	Training ▪ <i>Sea Commando Class I</i> In October 1962, the first Sea Commando class in Vietnam was trained by American Frogmen {U.S. Navy SEAL (SEa, Air, and Land)} and some Vietnamese Sea Commandos who had graduated from the UDT (Underwater Demolition Team) program in Taiwan. This class had only one officer – Navy Lieutenant Junior Grade Trịnh Hòa Hiệp, a graduate of Class 7 of the Nha Trang Naval Training Center – along with some Navy non-commissioned officers. At the same time, the majority of trainees were personnel from the Coastal Force. The class graduated in January 1963 and then requested a transfer to the Coastal Defense Directorate, specializing in infiltration operations into North Vietnam north of the 17th parallel. ▪ <i>Sea Commando Class II</i> This class was organized in the same manner as Class I. Navy Ensign Phan Tấn Hưng, from Class 9 of the Nha Trang Naval Training Center, was the second officer to undergo the training.



Vĩ Tuyến 17
{<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>}



The 17th Parallel
{<https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2>}



Hải Quân Trung Tá Trịnh Hòa Hiệp (?-?), Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa



Navy Commander Trịnh Hòa Hiệp (?-?), Republic of Vietnam Navy

 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}	 Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang Nha Trang Naval Training Center, Republic of Vietnam Navy {http://hqvnch.net/default.asp?id=587&lstd=62}
Khóa I và khóa II Biệt-Hải được huấn luyện tại Đà-Nẵng. Những khóa kế tiếp được huấn luyện tại các địa điểm khác nhau như Nha Trang, Cam-Ranh, Vũng-Tàu, v.v...	Class I and Class II were trained in Đà Nẵng. The subsequent classes were trained at various other locations such as Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu, etc.
Biệt-Hải được huấn luyện như một điệp viên chiến tranh thuần túy để thích nghi với mọi môi trường như lặn, đổ bộ và nhảy trực thăng từ một cao độ khá nguy hiểm mà không cần dù. Biệt-Hải biết sử dụng tất cả mọi loại vũ khí – của ta cũng như của địch – và có khả năng xâm nhập, trốn thoát và sống còn.	A Sea Commando was trained as a pure wartime spy to adapt to every environment, such as diving, amphibious landings, and jumping from helicopters at quite dangerous altitudes without parachutes. A Sea Commando knew how to use all types of weapons—both ours and the enemy’s—and possessed the skills to infiltrate, escape, and survive.
Thời gian huấn luyện là 16 tuần lễ, kể cả “Tuần lễ địa ngục”. Muốn vượt qua “Tuần lễ địa ngục”, học viên phải qua nhiều thử thách như: Chèo ghe 115 dặm, chạy bộ 75 dặm, mang tàu đi 21 dặm, bơi 10 dặm, bơi trong khi tay và chân bị trói để lấy tài liệu dưới đáy nước – bằng miệng. Biệt-Hải phải chịu đựng được những khắc nghiệt của độ nóng, độ lạnh, độ sâu và độ cao.	The training period lasted 16 weeks, including “Hell Week.” To pass “Hell Week,” trainees had to overcome many challenges, such as paddling a boat 115 miles, running 75 miles, carrying a boat 21 miles, swimming 10 miles, and swimming with their hands and feet tied to retrieve documents from the bottom of the water—using only their mouths. A trainee had to endure the extremes of heat, cold, depth, and altitude.
Vì những điều kiện huấn luyện để trở thành một Biệt-Hải rất khắc khe, cho nên Biệt-Hải Hoa-Kỳ có câu: “<i>The only easy day was yesterday!</i>”	Because the training conditions required to become a Sea Commando were extremely rigorous, the U.S. Navy SEAL (SEa, Air, and Land) had a saying: “The only easy day was yesterday!”.

Nhiệm Vụ - Mission

Mỗi nhóm hoạt động trong một lĩnh vực khác nhau.

- Nhóm Vega được huấn luyện để đổ bộ, đột kích, phá cầu bằng chất nổ và bắt người ngoài Bắc về lấy tin tình báo. Nhóm này sử dụng Bazooka và 75 ly không giật.
- Nhóm Romulus chuyên lặn bình hơi và đổ bộ bằng cách nhảy dù xuống biển, mang theo bình hơi và xuồng cao su.
- Nhóm Lucky thi hành công tác phá hoại kinh tế, tuyên truyền, gây xáo trộn tinh thần trong hàng ngũ địch. Nhóm này thường bắt ngư phủ trong hợp tác xã Việt-Cộng đem về làng kiều mẫu Thê-Giới Tự-Do – được thành lập tại Cù Lao Chàm – nuôi nấng, cho ăn uống sung sướng, học về đời sống tự do; sau đó những người này được thả về Bắc lại để tuyên truyền. Nhiều người trong số này xin ở lại miền Nam, nhưng không được chấp thuận.

Mission

Each team operated in a different specialized field.

- Vega Team was trained for amphibious landings, raids, bridge demolition using explosives, and capturing individuals in North Vietnam to gather intelligence. This team used Bazookas and 75-mm recoilless rifles.
- Romulus Team specialized in scuba diving and amphibious insertion by parachuting into the sea, carrying diving tanks and inflatable rubber boats.
- Lucky Team carried out economic sabotage, psychological operations, propaganda, and morale-disruption missions within enemy ranks. This team often captured fishermen belonging to Việt Cộng cooperatives and brought them to the Free World Model Village — established on Cù Lao Chàm — where they were cared for, well fed, and taught about life in a free society. Afterward, these individuals were released back to the North to spread propaganda. Many of them asked to remain in the South, but their requests were not approved.



Bazooka



Bazooka

{https://en.wikipedia.org/wiki/Bazooka}	{https://en.wikipedia.org/wiki/Bazooka}
	
75 ly không giật {https://en.wikipedia.org/wiki/M20_recoilless rifle}	75-mm recoilless rifle {https://en.wikipedia.org/wiki/M20_recoilless rifle}



Cù Lao Chàm, Việt Nam Cộng Hòa
{[https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham
Marine_Park](https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham_Marine_Park)}



Cù Lao Chàm, Republic of Vietnam
{[https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham
Marine_Park](https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham_Marine_Park)}



Cù Lao Chàm, Việt Nam Cộng Hòa { https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham_Marine_Park }	Cù Lao Chàm, Republic of Vietnam { https://en.wikipedia.org/wiki/Cu_Lao_Cham_Marine_Park }
Trước khi Biệt-Hải thực hiện một công tác nào thì nhân viên phải được huấn luyện và thực tập dựa theo địa hình, địa vật – do không ảnh U-2 cung cấp – của những địa điểm mà công tác sẽ được thi hành.	Before a Sea Commando carried out any operation, personnel had to be trained and practice based on the terrain and landmarks—provided by U-2 aerial photographs—of the locations where the mission would be conducted.
	
U-2, Không Quân Hoa Kỳ { https://en.wikipedia.org/wiki/Lockheed_U-2 }	U-2, United States Air Force { https://en.wikipedia.org/wiki/Lockheed_U-2 }
Trong khi thi hành nhiệm vụ Biệt-Hải thường bơi từng cặp để tương trợ lẫn nhau. Phương thức này được gọi là <i>Buddy System</i> .	While on missions, (2) Sea Commandos usually swam in pairs to support each other. This method was called the <i>Buddy System</i> .
Khi Lực-Lượng Hải-Tuần chưa thành lập, Việt-Cộng bố trí nhiều vị trí đóng quân dọc theo duyên hải kể từ phía Bắc vĩ tuyến 17. Về sau, những đơn vị Việt-Cộng này bị Biệt-Hải tấn công và bắn phá liên miên, Việt-Cộng dời quân vào sâu trong nội địa.	Before the Coastal Patrol Force was established, the Việt-Cộng had positioned many troop concentrations along the coast starting from north of the 17th parallel. Later, these Việt-Cộng units were continuously attacked and bombarded by Sea Commandos, prompting the Việt-Cộng to move their forces deep inland.

	
Vĩ Tuyến 17 {https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2}	The 17th Parallel {https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2}
Sau khi Việt-Nam hóa chiến tranh, Đại-Đội Hải-Kích được biệt phái cho các Giang-Đoàn, Duyên-Đoàn hay những Căn-Cứ Hải-Quân trên khắp lãnh thổ miền Nam.	After the Vietnamization of the war, the Sea Commando Companies were detached and assigned to the Riverine Groups, Coastal Groups, or Naval Bases throughout the territory of South Vietnam.
Nhiệm vụ của Hải-Kích cũng tương tự như Biệt-Kích, nghĩa là đột nhập vào những mục tiêu ven biển hoặc sông rạch.	The missions of the Republic of Vietnam Navy SEALs (SEa, Air, and Land) were similar to those of the Sea Commandos, i.e., infiltrating targets located along coastal areas or in river and canal networks.
Một toán Hải-Kích được biệt phái thường trực cho Căn-Cứ Hải-Quân Năm-Căn. Đại đội vớt tàu trang bị dụng cụ lặn và trục vớt, lưu động các nơi, nhất là Vùng IV Sông-Ngòi. Đại đội tháo gỡ đạn được cũng biệt phái nhân viên đến những Bộ-Chỉ-Huy Vùng.	One Republic of Vietnam Navy SEAL (SEa, Air, and Land) team was permanently attached to the Năm Căn Naval Base. The ship-salvage Company was equipped with diving gear and recovery equipment; it operated as a mobile unit across various locations, especially in the Riverine Zone IV. The explosive ordnance disposal company also detached personnel to the various Coastal Commands.



{https://en.wikipedia.org/wiki/Nam_Can_Naval_Base}

Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations
Xa nhất của Biệt-Hải là Hải-Phòng.



{https://en.wikipedia.org/wiki/Nam_Can_Naval_Base}

Area of Operations
The farthest range of the Biệt-Hải was Hải Phòng (in North Vietnam).

LỰC-LƯỢNG HẢI-TUẦN - COASTAL PATROL FORCE	COASTAL PATROL FORCE
	
Tổ Chức – Organization Lực-Lượng Hải-Tuần thuộc Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải, đóng tại Tiên-Sa, Đà-Nẵng. Bộ-Chỉ-Huy gồm Chỉ-Huy-Trưởng và Chỉ-Huy-Phó.	Organization The Coastal Patrol Force, under the Coastal Defense Directorate, was stationed at Tiên Sa, Đà Nẵng. The Headquarters consisted of a Commanding Officer and a Deputy Commanding Officer.
	
Tiên Sa, Đà Nẵng, Việt Nam Cộng Hòa https://en.wikipedia.org/wiki/Naval_Support_Activity_Danang }	Tiên Sa, Đà Nẵng, Republic of Vietnam https://en.wikipedia.org/wiki/Naval_Support_Activity_Danang }
Chỉ-Huy-Trưởng Lực-Lượng Hải-Tuần đầu tiên là Hải-Quân Thiếu-Tá Trần Bình Sang.	The first Commanding Officer of the Coastal Patrol Force was Navy Lieutenant Commander Trần Bình Sang.
Tất cả nhân viên thuộc Lực-Lượng Hải-Tuần, cả sĩ quan và lính, đều là những quân nhân tình nguyện và được biệt phái hẳn cho Lực-Lượng Đặc-Biệt (Special Operations Group). Lực-Lượng Đặc-Biệt này gồm nhiều binh chủng khác nhau như Thủy-Quân Lục-Chiến, Không-Quân, Nhảy-Dù, Biệt-Kích, v. v... và	All personnel of the Coastal Patrol Force - both officers and enlisted men - were volunteers and were permanently reassigned to the Special Operations Group. The Special Operations Group comprised various branches, including the Marine Corps, Air Force, Airborne, Special Forces, and others,

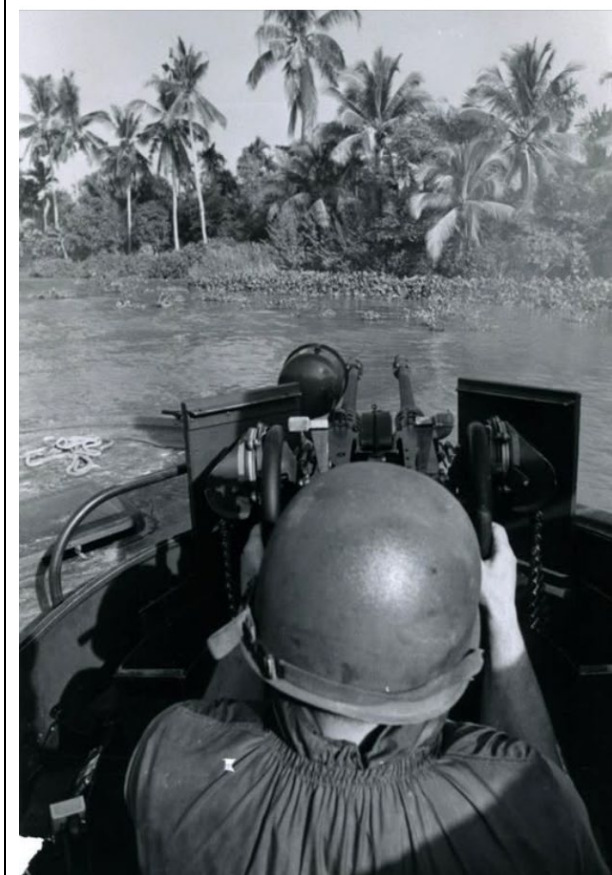
Hải-Quân là một thành phần trong cơ cấu này.	with the Navy being one component within this structure.
Trang Bị - Armament Khinh-Tốc-Đĩnh (PT). PT dài khoảng 80 feet, vỏ bằng nhựa, máy chạy bằng dầu cặn, được đóng tại Na-Uy (Norway), vận tốc trên 50 hải lý một giờ. Những PT thuộc Sở Phòng-Vệ Duyên-Hải có biệt danh là Nasty và Swift.	Armament Patrol Torpedo (PT) Each Patrol Torpedo (PT) boat was approximately 80 feet long, with a fiberglass hull, powered by diesel engines, built in Norway, and capable of speeds over 50 knots per hour. The Patrol Torpedo (PT) boats belonging to the Coastal Defense Directorate were nicknamed “Nasty” and “Swift.”
 Na Uy, Bắc Âu Châu {https://www.britannica.com/place/Norway}	 Norway, Northern Europe {https://www.britannica.com/place/Norway}
Mỗi PT được trang bị: 1 súng cối 130 hoặc 81 ly, quay và nhắm được, đặt sau đài chỉ huy. 2 đại liên 50 đôi đặt hai bên. 1 trọng pháo phòng không 40 ly, hai nòng, bắn tự động.	Each Patrol Torpedo (PT) was armed with: 1 × 130 mm or 81 mm mortar (traversable and aimable), mounted aft of the command bridge. 2 × twin .50-caliber heavy machine guns, one on each side. 1 × twin 40 mm automatic anti-aircraft gun.



Đại liên 12 ly 7 đặt trên súng cối 81 ly
{<https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/>}

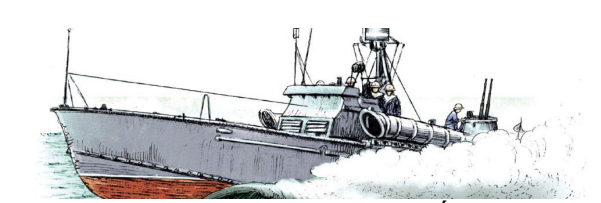
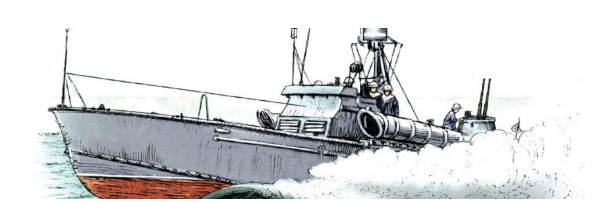
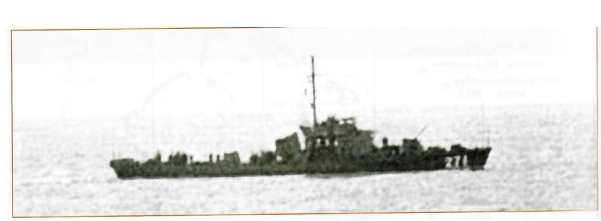


A 12.7 mm heavy machine gun mounted above
81-mm mortar
{<https://laststandonzombieisland.com/2024/12/06/the-brown-water-navys-81mm-mortar-mark-2/>}



2 đại liên 50 ly {https://www.facebook.com/100068126347147/posts/twin-50-caliber-machine-guns-in-action-on-board-us-navy-patrol-craft-in-south-vi/718907437056795/}	Twin .50-caliber heavy machine gun { https://www.facebook.com/100068126347147/posts/twin-50-caliber-machine-guns-in-action-on-board-us-navy-patrol-craft-in-south-vi/718907437056795/}
	
1 trọng pháo phòng không 40 ly, hai nòng, bắn tự động {https://www.ww2online.org/image/navy-crew-manning-bofors-40-mm-anti-aircraft-gun-onboard-ship-december-1942}	Twin 40 mm automatic anti-aircraft gun { https://www.ww2online.org/image/navy-crew-manning-bofors-40-mm-anti-aircraft-gun-onboard-ship-december-1942 }
 <i>Các Kinh-Tốc-Đĩnh tại cầu tàu của Lực-Lượng Hải-Tuần.</i>	 <i>Các Kinh-Tốc-Đĩnh tại cầu tàu của Lực-Lượng Hải-Tuần.</i>
Kinh Tốc Đĩnh {Patrol Torpedo (PT)}, Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa {Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, trang 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}	Patrol Torpedo, Republic of Vietnam Navy {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, pp. 351-443, A Republic of Vietnam Navy Publication (2012)}
PT được chế tạo để phóng thủy lôi, nhưng công tác của Lực-Lượng Hải-Tuần không cần đến, cho nên không trang bị.	Although Patrol Torpedo boats (PT) were originally designed to launch torpedoes, this capability was not required for the missions of the Coastal Patrol Force, so torpedoes were not carried.
Mỗi PT có: • một hạm trưởng (cấp bậc Đại Úy Hải Quân) • một hạm phó	Each PT had a crew consisting of: • One Commanding Officer (Navy Lieutenant) • One Executive Officer • One Machinist's Mate

• một cơ khí viên • và một số nhân viên.	• And a small number of crew members
Mỗi lần hành quân thường đi chung 2 hoặc 3 PT để yểm trợ lẫn nhau.	Missions were normally conducted with 2 or 3 PT boats operating together for mutual support.
Nhiệm Vụ - Mission Nhiệm vụ của Lực-Lượng Hải-Tuần là dùng PT đưa Biệt-Hải hoặc những người có nhiệm vụ liên hệ, vượt vĩ tuyến 17, xâm nhập Bắc Việt. Công tác thường được thực hiện vào ban đêm và chỉ với mục đích thu thập tin tức tình báo.	Mission The mission of the Coastal Patrol Force was to use Patrol Torpedo (PT) boats to transport Sea Commandos or personnel with related assignments across the 17th parallel to infiltrate North Vietnam. These operations were normally conducted at night and solely for the purpose of gathering intelligence.
	
Vĩ Tuyến 17 https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2	The 17th Parallel https://www.bbc.co.uk/bitesize/guides/zv7bkqt/revision/2
Phạm Vi Hoạt Động – Area of Operations Dọc vĩ tuyến 17 cho đến Hải Phòng	Area of Operations Along the 17th parallel up to Hai Phong
Sau khi thi hành công tác từ Bắc về, PT Hải-Quân V.N.C.H. thường bị PT Việt-Cộng chặn đánh, khoảng Hòn-Cọc. PT Hải-Quân V.N.C.H. cũng thường bị Mig Bắc-Việt – bay từng cặp – phát giác bằng radar và dùng hỏa tiễn tầm nhiệt tấn công.	After conducting missions returning from North Vietnam, patrol boats of the Republic of Vietnam Navy were frequently ambushed by Viet Cong patrol boats around the Hòn Cọc area. Republic of Vietnam Navy patrol boats were also often detected by radar by pairs of North Vietnamese MiG aircraft, which then attacked with heat-seeking missiles.

 MiG 17, Cộng Sản Bắc Việt {https://warfarehistorynetwork.com/article/weapons-the-soviet-mig-17-in-vietnam/}	 MiG 17, Communist North Vietnam/North Vietnamese Communists {https://warfarehistorynetwork.com/article/weapons-the-soviet-mig-17-in-vietnam/}
Hải-Quân Việt-Cộng được trang bị 12 P4.	The Viet Cong Navy was equipped with 12 P4-class torpedo boats.
 P4, Cộng Sản Bắc Việt {https://www.militarytimes.com/veterans/2017/12/13/how-north-vietnams-p-4s-missed-the-mark/}	 P4, Communist North Vietnam/North Vietnamese Communists {https://www.militarytimes.com/veterans/2017/12/13/how-north-vietnams-p-4s-missed-the-mark/}
Việt-Cộng thường dùng loại tàu Kronstadt, vận tốc khoảng 35 hải lý một giờ và loại P4 vận tốc 65 hải lý một giờ và được trang bị 6 giàn đại liên 50 đôi để tấn công PT Nam Việt-Nam. PT Nam Việt-Nam vừa phản công vừa lui về dưới vĩ tuyến 17 để khỏi bị lộ.	The Viet Cong commonly used Kronstadt-class vessels with a speed of about 35 knots, and P4-class boats with a speed of 65 knots, armed with six twin 50-caliber machine gun mounts to attack South Vietnamese Patrol Torpedo (PT) boats. South Vietnamese Patrol Torpedo (PT) boats would fight back while retreating south of the 17th parallel to avoid being exposed.
 Kronstadt-class submarine chaser, Cộng Sản Bắc Việt {Naval Hải Sử/Lược Sử Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, page 234 (2012)}	 Kronstadt-class submarine chaser, Communist North Vietnam/North Vietnamese Communists {Naval History/A Brief History of the Republic of Vietnam Navy, page 234, a

	Republic of Vietnam Navy publication (2012)}
Lực-Lượng Hải-Tuần đưa Biệt-Kích xâm nhập Bắc Việt lần đầu tiên vào tháng 2 năm 1964.	The Coastal Patrol Force first infiltrated Sea Commandos into North Vietnam in February 1964.
Khi mới thành lập, Lực-Lượng Hải-Tuần có khoảng 20 PT. Đến cuối năm 1970, theo tinh thần Hòa Đàm Paris, Việt-Cộng yêu cầu Mỹ hủy bỏ những công tác tình báo ngoài Bắc. Mỹ nhượng bộ.	When first established, the Coastal Patrol Force had around 20 Patrol Torpedo (PT) boats. By the end of 1970, in the spirit of the Paris Peace Talks, the Viet Cong demanded that the United States cease intelligence operations in the North. The U.S. conceded.
	
Hòa Đàm Paris 1973, Pháp { https://en.wikipedia.org/wiki/Paris_Peace_Accords }	Paris Peace Accords 1973, France { https://en.wikipedia.org/wiki/Paris_Peace_Accords }
Lực-Lượng Hải-Tuần ngưng hoạt động và giải tán.	The Coastal Patrol Force ceased operations and was disbanded.



Điệp-Mỹ-Linh
Houston, Texas, USA



English translation by Dr. Chi Manh Ha, Ph.D.
Grapevine, Texas, USA
haiquantrungduong@yahoo.com

Bản dịch Anh Ngữ để tưởng nhớ đến tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan, và thủy thủ của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (1950 - 30 tháng 4 năm 1975) về lòng yêu nước và sự hy sinh

The English translation is dedicated to the brave men and women of the Republic of Vietnam Navy (1950 - April 30, 1975) for their patriotism and sacrifice in the service of

của họ trong việc phục vụ lý tưởng tự do và bảo vệ lãnh thổ của đất nước.	freedom and the defense of their country's territory.
---	---